

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**



HỒ SƠ

MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

**NGÀNH: CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH
(FINTECH)**

**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH: 7340202**

HÀ NỘI, 2020

MỤC LỤC

Contents

PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	1
1.1. GIỚI THIỆU VỀ HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG.....	1
1.2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC	4
1.2.1 Sự phát triển nhanh chóng của kinh tế số và công nghệ tài chính.....	4
1.2.2 Phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	6
1.2.3 Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực Công nghệ tài chính	7
1.3. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	10
1.4. GIỚI THIỆU CÁC ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN VÀ KHOA SẼ TRỰC TIẾP ĐẢM NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC.....	11
PHẦN II: TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH	13
2.1 ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ NGHIÊN CỨU CƠ HỮU ĐẢM NHẬN NGÀNH ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (FINTECH) TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC.....	13
2.2 CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO	15
2.2.1 Thiết bị phục vụ đào tạo	15
2.2.2 Thư viện, sách, giáo trình, tài liệu tham khảo	16
2.3 HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	25
2.3.1 Danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học đã thực hiện trong năm 2019 về lĩnh vực Quản trị kinh doanh, Tài chính kế toán, Công nghệ thông tin	25
2.3.2 Các công trình nghiên cứu đã công bố	30
2.4 HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	40
2.5 TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO.....	42
2.5.1 Tóm tắt chương trình đào tạo.....	42
2.5.2 Đối tượng, điều kiện và tuyển sinh.....	46
2.5.3 Chương trình khung đào tạo.....	46
PHẦN 3: ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN	53

- 2012: Học viện thành lập Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông
- 1/7/2014: Học viện được điều chuyển từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về Bộ Thông tin và Truyền thông, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ với vị thế là trường đại học, trung tâm nghiên cứu trọng điểm của Ngành Thông tin và Truyền thông Việt Nam.

Với 20 năm hình thành và phát triển, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và các đơn vị trực thuộc đã được Nhà nước trao tặng nhiều Danh hiệu cao quý và Bằng khen, Cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông và nhiều tổ chức khác, đánh dấu sự phát triển và những đóng góp cho nền giáo dục nước nhà như:

- Huân chương lao động hạng Ba (1998)
- Huân chương độc lập hạng Ba (2000)
- Huân chương độc lập hạng Nhất (2006)
- Huân chương lao động hạng nhất (2012)
- Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2013)
- Huân chương lao động hạng nhất (2017)

Từ ngày 01/7/2014, thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 878/QĐ-BTTTT điều chuyển quyền quản lý Học viện từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về Bộ Thông tin và Truyền thông. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ; là trường đại học, đơn vị nghiên cứu, phát triển nguồn nhân lực trọng điểm của Ngành thông tin và truyền thông. Đặc biệt, từ ngày 04/02/2016, tại Quyết định số 222/QĐ-TTg về phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Học viện cũng đã chính thức trở thành Cơ sở giáo dục đại học được phép tự chủ theo tinh thần của Nghị quyết 77/NQ-CP của Chính phủ.

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Thông tin và truyền thông, Học viện thực hiện hai chức năng cơ bản:

- Giáo dục, đào tạo cho xã hội và cho nhu cầu của Ngành thông tin và truyền thông Việt Nam.

- Nghiên cứu khoa học, tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu xã hội và nhu cầu của Ngành thông tin và truyền thông Việt Nam.

Đào tạo

Hệ thống đào tạo và cấp bằng của Học viện bao gồm nhiều cấp độ tùy thuộc vào thời gian đào tạo và chất lượng đầu vào của các học viên. Hiện nay Học viện cung cấp các dịch vụ giáo dục, đào tạo chủ yếu sau đây:

- Thực hiện các khoá đào tạo bậc Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ theo chương trình chuẩn quốc gia và quốc tế theo các hình thức khác nhau như tập trung, phi tập trung, liên thông, đào tạo từ xa...

- Tổ chức các khoá đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ trong các lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông, công nghệ thông tin, quản trị kinh doanh, an toàn thông tin, công nghệ đa phương tiện...

- Tổ chức các chương trình đào tạo cho nước thứ ba.

- Sẵn sàng liên danh, liên kết với các đối tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Nghiên cứu khoa học và tư vấn chuyên giao công nghệ

- Tổ chức nghiên cứu về chiến lược, quy hoạch phát triển mạng và dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

- Tổ chức nghiên cứu về công nghệ, giải pháp và phát triển dịch vụ trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin. Tổ chức nghiên cứu và phát triển các sản phẩm, bán sản phẩm trong lĩnh vực điện tử - viễn thông. Tổ chức nghiên cứu về quản lý, điều hành doanh nghiệp và các lĩnh vực kinh tế khác.

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn về công nghệ, giải pháp và phát triển dịch vụ trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và lĩnh vực kinh tế cho các đơn vị trong và ngoài Ngành thông tin và truyền thông Việt Nam.

- Cung cấp các dịch vụ đo lường, kiểm chuẩn, tư vấn thẩm định các công trình, dự án thuộc lĩnh vực bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin.

- Học viện được ký thoả ước hợp tác với các tổ chức nghiên cứu và đào tạo nước ngoài, trao đổi chuyên gia nghiên cứu và đào tạo với nước ngoài theo quy định của Nhà nước.

Với định hướng và mục tiêu phát triển trên, trải qua hơn 20 năm xây dựng và trưởng thành, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông đang dần khẳng định được uy tín, vị thế của mình trước người học, trước xã hội và trong hệ thống các trường đại học của Việt Nam cũng như trong khu vực và quốc tế; qua đó góp phần thực hiện thành công tinh thần Nghị quyết TW2 Khóa VIII của Đảng và Chính phủ.

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông có 2 Cơ sở đào tạo tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; 3 đơn vị nghiên cứu đầu ngành về Viễn thông, Công nghệ thông tin và Kinh tế trong lĩnh vực Công nghệ thông tin – Truyền thông với tổng số gần 800 cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên và quản lý, trong đó đội ngũ cán bộ nghiên cứu và giảng dạy là gần 600 người (số cán bộ giảng dạy có học hàm, học vị là Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ là gần 100 người chiếm gần 20%; số cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ chiếm khoảng gần 70% tổng số cán bộ giảng dạy của Học viện). Với các điều kiện và nguồn lực như trên, tới nay Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo cho phép tổ chức đào tạo nhiều trình độ, ngành nghề và hình thức đào tạo khác nhau, cụ thể:

- Trình độ sau đại học:

+) Tiến sĩ: đào tạo các chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông, Kỹ thuật điện tử, Truyền dữ liệu và mạng máy tính, Kỹ thuật máy tính, Quản trị kinh doanh;

+)
+) Thạc sĩ: đào tạo các chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật điện tử (Điện tử viễn thông), Truyền dữ liệu và mạng máy tính, Khoa học máy tính;

- Trình độ đại học hệ chính quy: Học viện có 10 ngành đào tạo, đó là Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Điện tử viễn thông, Công nghệ thông tin, Công nghệ đa phương tiện, Công nghệ kỹ thuật Điện tử, An toàn thông tin, Truyền thông đa phương tiện, Marketing, Kế toán và Thương mại điện tử.

Với vị thế là đơn vị đào tạo, nghiên cứu trọng điểm, chủ lực của Ngành Thông tin và Truyền thông Việt Nam, là trường đại học trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực ICT, những thành tựu trong gắn kết giữa Nghiên cứu - Đào tạo - Sản xuất kinh doanh năng lực, quy mô phát triển của Học viện hôm nay, Học viện sẽ có những đóng góp hiệu quả phục vụ sự phát triển chung của Ngành Thông tin và truyền thông và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc, góp phần để đất nước, để Ngành Thông tin và truyền thông Việt Nam có sự tự chủ, độc lập về khoa học công nghệ và nguồn nhân lực, qua đó tự tin cạnh tranh với các đối thủ lớn và có vị thế nhất định trong khu vực và trên thế giới.

1.2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1.2.1 Sự phát triển nhanh chóng của kinh tế số và công nghệ tài chính

Sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông mới (Information and Communications Technology-ICT) là nhân tố nền tảng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. ICT đã trở thành một nhân tố sản xuất trong nền kinh tế, từ đó xuất hiện hàng loạt các hoạt động kinh tế - xã hội sử dụng ICT trong môi trường Internet và hình thành nên hệ sinh thái kinh tế số bao gồm: kinh doanh điện tử (e-business), thương mại điện tử (e-commerce), nội dung số (digital content), các công nghệ mới nổi (emerging industries), kinh tế chia sẻ (sharing economy), chính phủ điện tử (e-government). Các công nghệ kỹ thuật số mà điển hình là điện toán đám mây, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo,... đã và đang làm thay đổi mạnh mẽ ở hầu hết các hoạt động trong xã hội từ cách sống, làm việc, mua sắm, tiêu thụ và sản xuất hàng hoá - dịch vụ.

Cùng với sự phát triển của kinh tế số, khu vực tài chính là ngành sử dụng công nghệ số từ rất sớm thông qua việc số hóa các dịch vụ tài chính, thường được gọi vắn tắt là “công nghệ tài chính” (Financial technology, viết tắt là Fintech). Trong nhiều thập kỷ qua, các ngân hàng đã đầu tư mạnh vào công nghệ nhằm cải thiện hiệu quả của hệ thống các sáng tạo tài chính (financial innovations), từ đó nhiều sản phẩm tài chính đã ra đời như chuyển tiền điện tử tại điểm bán hàng (EFTPOS), máy rút tiền tự động (ATM), hệ thống SWIFT, trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), ngân hàng di động và những năm gần đây là các hoạt động: cho vay ngang hàng (Peer-To-Peer lending) huy động vốn cộng đồng (Equity-based crowdfunding), thanh toán di động (Mobile payment), ngân hàng chuỗi khối (Blockchain banking), tiền điện tử (Digital banking) mà cụ thể là tiền kỹ thuật số ngang hàng, còn gọi là tiền mật mã (Cryptocurrency) với điển hình là loại tiền ảo đã từng “nổi đình nổi đám” có tên gọi là Bitcoin.

Công nghệ tài chính (Fintech) là tương lai của ngành tài chính

Các đổi mới, sáng tạo tài chính trên nền tảng công nghệ đã tạo ra các mô hình kinh doanh mới, các công nghệ quản lý mới và các sản phẩm tài chính mới tạo nên những tác động vô cùng to lớn, mạnh mẽ ở cả chiều sâu lẫn diện rộng đến tất cả các hoạt động của các tổ chức tài chính, thị trường tài chính, các hoạt động cung cấp các dịch vụ tài chính và cả cơ quan quản lý nhà nước kể cả ngân hàng Trung ương.

Hoạt động cung ứng dịch vụ tín dụng, thanh toán không còn là thế độc quyền của các ngân hàng khi các công ty công nghệ khổng lồ như Apple, Google, Amazon và Facebook tại Hoa Kỳ; Alibaba và Tencent tại Trung Quốc đã phát triển các giải pháp cho phép các công cụ thanh toán của mình có thể sử dụng kết hợp với các ngân hàng. Amazon cung cấp các khoản vay cho các doanh nghiệp nhỏ với tổng dư nợ lên đến 3 tỷ USD. Facebook cho phép người sử dụng tại Hoa Kỳ thanh toán cho những người khác trong danh sách bạn bè và cũng đang lấn sân sang lĩnh vực cho vay các doanh nghiệp nhỏ. Alibaba cung cấp dịch vụ thanh toán thông qua công ty liên kết Ant Financial, trong khi Tencent cung cấp một loạt dịch vụ tài chính đa dạng thông qua ứng dụng mạng xã hội WeChat. Ở Việt Nam, giới trẻ cũng đã khá quen thuộc với các công ty công nghệ tài chính và các dịch vụ ví điện tử Momo, Timo, Grabpay by Moca, SamsungPay, ZaloPay, Payoo, Nganluong, Baokim,... Hơn bao giờ hết, các ngân hàng và các tổ chức tài chính truyền thống khác đang đứng trước thách thức, áp lực buộc phải sáng tạo và đổi mới mới có thể sống còn và phát triển.

Sự phát triển của công nghệ tài chính – cũng như bất kỳ cải tiến, đổi mới đã từng xuất hiện trong lịch sử – buộc Chính phủ các quốc gia phải có những phản ứng phù hợp. Thách thức đặt ra là làm thế nào để cân bằng giữa các mục tiêu tạo điều kiện cho đổi mới, phát triển, cạnh tranh bình đẳng đồng thời bảo đảm sự ổn định của thị trường tài chính và bảo vệ khách hàng.

Có thể thấy, công nghệ tài chính là một lĩnh vực mới, liên quan đến nhiều chuyên ngành nhưng lại có tính chuyên sâu, thay đổi với tốc độ rất nhanh và sẽ còn tiếp tục phát triển sâu rộng trong thời gian tới, tạo nên các ảnh hưởng lớn đối với hoạt động của hệ thống tài chính và nền kinh tế.

Việt Nam với gần 67% dân số hiện đang sinh sống ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa vốn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ tài chính, ngân hàng. Hệ thống các chi nhánh, phòng giao dịch ngân hàng hay mạng lưới ATM của các ngân hàng có độ bao phủ thấp do hiệu quả kỳ vọng mang lại so với chi phí đầu tư là thấp và chưa đáp ứng được yêu cầu kinh doanh của các ngân hàng. Do không thể tiếp cận dịch vụ của các ngân hàng nên trên thực tế hiện nay, người dân sinh sống ở các khu vực này đang phải sử dụng các kênh thanh toán, chuyển tiền không chính thức có độ an toàn thấp và rủi ro cao. Trong khi đó, tỷ lệ tiếp cận điện thoại di động và Internet của người dân Việt Nam ở mức cao. Việt Nam có 64 triệu người sử dụng Internet, đứng vị trí thứ 6 khu vực ở Châu Á - Thái Bình Dương và vị trí 13 trên thế giới (*theo Internet World Stats*) và tổng cộng 25,1 triệu người sử dụng điện thoại thông minh với tỷ lệ tiếp cận điện thoại thông minh 26,4 %, đứng vị trí 21 trên thế giới, (*theo báo cáo Newzoo's Global Mobile Market tháng 4/2017*). Thêm vào đó, sự am hiểu lĩnh vực công nghệ thông tin của người trẻ tuổi; sự bùng nổ của Công nghệ thông tin; tỷ lệ người dân có tài khoản ngân hàng thấp... là những yếu

tổ thuận lợi để phát triển các dịch vụ tài chính - ngân hàng dựa trên nền tảng Fintech tại Việt Nam trong tương lai

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ngày càng khẳng định quyền năng của công nghệ đối với mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có vai trò quyết định của các công nghệ cốt lõi (IoT, Bigdata, Icloud, Blockchain, AI) đối với tương lai của lĩnh vực ngân hàng. Chính vì vậy, hiện nay lĩnh vực ngân hàng cũng đang trải qua quá trình dịch chuyển mang tính nền tảng lớn nhất trong lịch sử phát triển, phải đổi mới với áp lực cần phải đổi mới để có thể duy trì và phát triển được quy mô khách hàng trong kỷ nguyên số hóa, áp lực đó ngày càng gia tăng khi xuất hiện các công ty khởi nghiệp hoặc công ty cung cấp các sản phẩm công nghệ tài chính – Fintech.

Đồng thời, chất lượng dịch vụ cũng tăng lên rõ rệt, bởi độ chính xác và nhanh nhạy của những phần mềm thông minh thực sự vượt trội so với con người. Quy trình đánh giá rủi ro trong các ngân hàng và các định chế tài chính vốn thường phức tạp, nhiều công đoạn đã có thể được thay thế dễ dàng bởi chuỗi phân tích dữ liệu chính xác và nhanh gọn của Fintech. Và đặc biệt các khâu kiểm soát dữ liệu, đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật cho khách hàng và các tổ chức tài chính được nâng cấp vượt trội nhờ Fintech. Chính vì Fintech tạo ra những thay đổi mang tính bản lề đối với hoạt động tài chính, nên trong tương lai, gần như chắc chắn các tổ chức tài chính cần ứng dụng Fintech vào định hướng phát triển.

Tóm lại, có thể nói, ngành Công nghệ tài chính (Fintech) chính là kết quả của quá trình chuyển đổi số đối với ngành Tài chính hiện nay và nó sẽ là tương lai của ngành Tài chính; đồng thời Công nghệ tài chính sẽ có vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế số.

1.2.2 Phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông

Trong Chiến lược phát triển Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông giai đoạn 2020 – 2025 tầm nhìn 2030 được xây dựng dựa trên 6 lĩnh vực hoạt động bao gồm: (1) Đào tạo và bồi dưỡng; (2) Khoa học và Công nghệ; (3) Hợp tác quốc tế; (4) Sinh viên và kết nối cộng đồng; (5) Nguồn nhân lực và quản trị đại học; (6) Tài chính và cơ sở vật chất. Theo đó, Học viện đã đề ra sứ mệnh và tầm nhìn dài hạn, cụ thể:

“- Sứ mạng của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông là sang tạo và chuyển giao tri thức cho xã hội thông qua việc gắn kết các hoạt động giáo dục – đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu phát triển và chuyển giao khoa học và hội nhập quốc tế của đất nước

- Đến năm 2030, Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông trở thành một trung tâm về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tri thức trong lĩnh vực thông tin và truyền thông có uy tín, có khả năng cạnh tranh, hội nhập quốc tế cao và nằm trong nhóm 300 trường đại học hàng đầu Châu Á”

Đến tháng 7/2014, Học viện được điều chuyển về Bộ Thông tin và Truyền thông, với sự thay đổi lớn về địa vị pháp lý. Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Học viện lần thứ V, Nhiệm kỳ 2015-2020 đã đề ra mục tiêu: “...chuyển đổi thành công mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động theo hướng tự chủ; xây dựng Học viện ổn định, phát triển bền vững và

trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và Truyền thông...”

Đến tháng 6/2017, Học viện đã ban hành mục tiêu chiến lược theo quyết định số 516/QĐ-HV ngày 06/6/2017 quyết định ban hành sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Học viện. Mục tiêu chung của Học viện là *“Đến năm 2025, Học viện trở thành trung tâm về giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tri thức hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực thông tin và truyền thông với các Cơ sở giáo dục, Viện nghiên cứu trực thuộc và 02 sản phẩm chính là: Sản phẩm giáo dục, đào tạo đa dạng, đáp ứng nhu cầu xã hội với chất lượng đạt chuẩn quốc tế và khu vực; Sản phẩm nghiên cứu khoa học được quốc tế công nhận và được chuyển giao sử dụng trong doanh nghiệp và xã hội”*.

Về đào tạo và bồi dưỡng: có đầy đủ các cấp đào tạo, loại hình, phương thức đào tạo để đáp ứng nhu cầu người học; có các ngành đào tạo đại học chính quy tuyển sinh hiệu quả đáp ứng nhu cầu xã hội trong các lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật, Báo chí và Truyền thông, Kinh doanh và quản lý đáp ứng được yêu cầu của xã hội, đặc biệt là yêu cầu nhân lực cho cuộc CMCN4.0; các chương trình đào tạo được xây dựng và kiểm định theo chuẩn khu vực và quốc tế, liên thông được với chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trên thế giới; có hệ thống đào tạo, bồi dưỡng bám sát các ngành/nghề đào tạo dài hạn, linh hoạt, đáp ứng tốt nhu cầu của sinh viên, học viên, của doanh nghiệp ngành thông tin và truyền thông và của xã hội.

Là một Cơ sở giáo dục đại học ứng dụng, Học viện đã và đang thực hiện đa dạng hóa các phương thức đào tạo, các loại hình đào tạo, mở rộng các hình thức liên kết đào tạo với các Trường đại học trong nước và quốc tế, với các ngành, địa phương nhằm đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ, có chất lượng cao về khoa học công nghệ và quản lý kinh tế trong lĩnh vực thông tin - truyền thông của nền kinh tế thị trường và đáp ứng nhu cầu người học.

Trong tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 với sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của Internet vạn vật, của Tự động hóa – robot, của Trí tuệ nhân tạo và của Công nghệ tài chính; việc mở ngành đào tạo mới này là cần thiết và là xu hướng tất yếu đáp ứng sự phát triển của kinh tế, xã hội.

Do vậy, việc mở ngành đào tạo Công nghệ tài chính trình độ đại học là hoàn toàn phù hợp nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 và hoàn toàn phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

1.2.3 Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực Công nghệ tài chính

Fintech đang ngày càng được quan tâm và ứng dụng vào trong tất cả các lĩnh vực, các doanh nghiệp cũng như các cơ quan quản lý nhà nước. Đội ngũ nhân sự tại các mảng này thiếu cả về số lượng và chất lượng. Nguồn nhân lực Fintech có thể làm việc trong các lĩnh vực như ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, các công ty tài chính, công ty khởi nghiệp Fintech.

Hiện nay, Fintech đang dần có tác động thay đổi đáng kể đến các lĩnh vực liên quan đến ngành tài chính như

- Giúp thay đổi kênh phân phối và các dịch vụ tài chính truyền thống
- Fintech mang đến ứng dụng công nghệ cao
- Xây dựng "ngân hàng và tổ chức tài chính không giấy"
- Thay đổi thị trường lao động trong lĩnh vực tài chính

Fintech có khả năng tái định hình ngành tài chính và tác động mạnh mẽ lên các yếu tố quan trọng hàng đầu của nó. Vì vậy việc các công ty cho vay theo mô hình P2P, mô hình kết nối giữa người vay và cho vay qua internet giảm thời gian xác nhận thủ tục tại ngân hàng như cách làm truyền thống và hoạt động hiệu quả hơn.

Khác với thị trường tài chính truyền thống gồm hai đối tượng các định chế tài chính (ngân hàng, công ty tài chính, đầu tư, bảo hiểm, chứng khoán...) và khách hàng, đối tượng của Fintech gồm 3 bên, tác động qua lại lẫn nhau:

Các định chế tài chính

Thực thể quan trọng trong ngành tài chính, các định chế này ngày càng hợp tác sâu rộng với các công ty Fintech do nhận thấy tầm quan trọng của công nghệ. Đồng thời bản thân các định chế này cũng trực tiếp đầu tư vào các công ty Fintech hay các hoạt động nghiên cứu để chủ động nắm giữ công nghệ mới và chiếm giữ thị trường.

Các công ty Fintech

Các công ty độc lập hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới trong lĩnh vực tài chính. Khách hàng của các công ty này có thể là người sử dụng cuối cùng, cũng có thể là các định chế tài chính.

Khách hàng

Người sử dụng sản phẩm dịch vụ tài chính nói chung. Với các ứng dụng công nghệ mới, khách hàng là những người được hưởng lợi nhiều nhất từ cạnh tranh giữa các công ty, định chế tài chính cũng như từ những tiện ích công nghệ mới mang lại.

Các ứng dụng đa dạng của Fintech đang tác động đến hầu hết mọi lĩnh vực hoạt động của ngành tài chính như tiền gửi, thanh toán, bảo hiểm, chứng khoán, tín dụng, quản trị rủi ro, không những thế Fintech cũng tác động đến cơ cấu thị trường, cơ cấu sản phẩm, chiến lược phát triển và mọi mặt kinh doanh của cả hệ thống tài chính ngân hàng. Những tác động lớn nhất có thể kể đến như:

Làm thay đổi kênh phân phối và các sản phẩm dịch vụ tài chính truyền thống, đặc biệt là dịch vụ ngân hàng. Chúng ta có thể thấy rõ những tác động này qua xu thế phát triển mạnh trong những năm gần đây của các kênh bán hàng qua Internet, Mobilebanking, Tablet Banking, mạng xã hội, phát triển ngân hàng kỹ thuật số, giao dịch không giấy tờ. Fintech với các ứng dụng công nghệ cao, chẳng hạn như ứng dụng dữ liệu lớn (Big Data) sẽ giúp phân tích hành vi khách hàng sẽ giúp cho các định chế tài chính thu thập dữ liệu bên trong và bên ngoài nhằm tiết giảm chi phí, hỗ trợ cho các quá trình ra quyết định, và nâng cao chất lượng dịch vụ, mang lại giá trị gia tăng cũng như sự hài lòng hơn cho khách hàng

Đến thời điểm hiện nay, nhìn chung cơ quan quản lý ở các nước đã định hình rõ quan điểm ứng xử đối với công nghệ tài chính theo đó các quy định và các hoạt động giám

sát được thực hiện linh hoạt nhằm khuyến khích các dự án đổi mới, cải tiến, tránh các rào cản kìm hãm sự phát triển các dịch vụ công nghệ cao trong tương lai với ba chiến lược phổ biến là áp dụng khung pháp lý thử nghiệm (sandbox), vườn ươm (incubator) và trung tâm đổi mới sáng tạo (innovation hub). Các hoạt động này đòi hỏi phải quy tụ được những nhân lực trình độ cao, không chỉ đòi hỏi phải có hiểu biết cập nhật, chuyên môn sâu về tài chính-ngân hàng mà phải có kiến thức cập nhật và am hiểu công nghệ mới đi cùng với tư duy sáng tạo-đổi mới và kỹ năng thích ứng với sự thay đổi.

Đối với các tổ chức tài chính, đặc biệt là các ngân hàng trong bối cảnh chuyển từ hoạt động truyền thống sang mô hình ngân hàng số (digital banking) với hàng loạt các dịch vụ, sản phẩm, quản trị phải được xây dựng trên nền tảng công nghệ mới thì buộc phải đào tạo lại đội ngũ nhân sự hiện có, đồng thời, phải tuyển dụng mới nhân sự được đào tạo bài bản, chuyên sâu về công nghệ tài chính mới có thể nắm bắt, vận hành tốt và phát triển công nghệ mới.

Ở Việt Nam, dữ liệu từ Vietnam Briefing cho thấy, chỉ trong bốn tháng đầu năm 2017, 39.580 start-up đã thành lập ở Việt Nam, tăng 14% so với quý 1 năm 2016 và một tỷ lệ lớn trong các start-up này là hoạt động trong lĩnh vực công nghệ tài chính hoặc có liên quan đến công nghệ tài chính với số vốn đầu tư nhận được hơn 129 triệu USD. Đây cũng chính là các tổ chức khát nhân lực có chuyên môn và được đào tạo bài bản về công nghệ tài chính.

Theo thống kê, nếu đầu tư toàn cầu vào Fintech trong năm 2013 chỉ đạt mức khoảng 4 tỷ USD, thì đến năm 2016, con số này đã lên tới 20 tỷ USD và dự kiến sẽ tăng lên khoảng 120 tỷ đô vào năm 2020.

Thị trường lao động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng cũng sẽ có sự thay đổi, công nghệ có thể thay thế cho lượng lớn nhân viên của các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty chứng khoán, bảo hiểm. Nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ gia tăng (giỏi cả về chuyên môn nghiệp vụ tài chính và công nghệ thông tin).

Như vậy, đào tạo nguồn nhân lực Fintech có nhu cầu lớn đối với lĩnh vực ngân hàng đồng thời cũng đưa ra gợi ý về lĩnh vực mà hiện tại các ngân hàng đang đầu tư nhiều nguồn lực đó là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ học máy (Machine learning). Để có thể đáp ứng được nhu cầu nhân sự cho ngành Fintech, cần thực hiện các công việc cụ thể như sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh đào tạo về Công nghệ tài chính

- Ban hành chính sách khuyến khích giảng dạy lĩnh vực Công nghệ tài chính
- Xây dựng và ban hành chương trình khung đào tạo ngành Công nghệ tài chính trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp
- Chú trọng đào tạo giảng viên có kiến thức chuyên sâu về Tài chính, Công nghệ thông tin, Công nghệ tài chính, tăng cường chương trình đào tạo liên kết nước ngoài, các chương trình trao đổi giảng viên về Công nghệ tài chính để kịp thời tiếp thu những kiến thức tiên tiến của thế giới vào chương trình đào tạo
- Khuyến khích lập ngành Công nghệ tài chính trong các trường đại học, cao đẳng

Thứ hai, đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến trong hoạt động đào tạo Công nghệ tài chính

Đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến trong hoạt động đào tạo Công nghệ tài chính khuyến khích các trường đại học, cao đẳng, doanh nghiệp và tổ chức xã hội nghề nghiệp liên kết xây dựng các hệ thống đào tạo trực tuyến, hệ thống học liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập về Công nghệ tài chính

Nắm bắt nhu cầu nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ tài chính ở Việt Nam, theo định hướng chiến lược phát triển của Chính phủ, được sự chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông đã nghiên cứu phát triển chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính, nhằm cung cấp nhân lực có trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực tài chính ngân hàng trong bối cảnh kỷ nguyên số, có kiến thức cập nhật và am hiểu về công nghệ mới ứng dụng trong lĩnh vực tài chính, đáp ứng nhu cầu của các tổ chức tài chính trong bối cảnh phát triển kinh tế số và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sẽ tiên phong xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học hoàn toàn mới: **Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Công nghệ tài chính (Fintech)**.

Với vai trò là đơn vị đào tạo, nghiên cứu chủ lực của ngành Thông tin và Truyền thông Việt Nam, với vị thế là trường đại học trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực ICT, và với uy tín, kinh nghiệm đào tạo – nghiên cứu của mình, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông nhận thấy việc mở ngành đào tạo Công nghệ tài chính (Fintech) trình độ đại học không chỉ là nhu cầu hết sức cần thiết của xã hội mà còn xác định đây là nhiệm vụ quan trọng của Học viện góp phần thúc đẩy sự phát triển Fintech của Việt Nam. Trước thực tế trên, với trách nhiệm, uy tín cũng như năng lực và kinh nghiệm của mình, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông xây dựng chương trình và Đề án mở ngành đào tạo ngành Công nghệ tài chính (Fintech) trình độ đại học.

1.3. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Được thành lập năm 1997, cho đến nay Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông đã và đang tổ chức tuyển sinh, đào tạo cho 19 khóa đại học chính quy; Quy mô đào tạo đại học chính quy của Học viện hiện vào khoảng 12.000 sinh viên/năm, trong đó quy mô sinh viên đại học chính quy ngành Quản trị kinh doanh, Marketing và ngành Kế toán khoảng trên 3.000 sinh viên/năm.

Học viện cũng đã đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội được 19 khóa đại học với số lượng khoảng trên 15.000 lao động.

Năm 2016, Học viện thực hiện đề tài khảo sát sinh viên tốt nghiệp, nhóm nghiên cứu đã thiết kế phiếu khảo sát, tổ chức khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp tại Học viện từ các doanh nghiệp để có kênh thông tin độc lập về kết quả có việc làm của sinh viên với kết quả khảo sát có 93,10% sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Trong các năm 2016 và 2017, Học viện đã tổ chức khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp thông qua hình thức khảo sát trực tuyến bằng bảng hỏi trên Google gửi qua email, Facebook và qua website, với tỷ lệ 23,39% học viên, 57,61% sinh viên các khóa học mới tốt nghiệp tham gia khảo

sát. Theo kết quả khảo sát, số lượng sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ lớn 68,3%, cho thấy nhiều sinh viên Học viện đã chủ động trong việc tìm kiếm và định hướng nghề nghiệp của mình ngay từ khi còn đang học trong trường. Cũng theo khảo sát, tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo sau một năm tốt nghiệp là 89,5%. Ngoài ra có gần 15% số sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng đã tham gia tiếp tục học tập nâng cao trình độ tại Học viện hoặc du học ở nước ngoài.

Hoạt động đào tạo đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông đáp ứng yêu cầu của xã hội và doanh nghiệp, đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành Thông tin và Truyền thông và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

1.4. GIỚI THIỆU CÁC ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN VÀ KHOA SẼ TRỰC TIẾP ĐẢM NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngay từ khi thành lập, với định hướng gắn kết đào tạo – nghiên cứu – sản xuất kinh doanh, trong lĩnh vực đào tạo kinh tế và quản trị kinh doanh, Học viện đã thành lập Khoa Tài chính kế toán 1 và Khoa Quản trị kinh doanh 1, 2 (Cơ sở Học viện tại thành phố Hồ Chí Minh); song song với 3 khoa còn có Viện Kinh tế Bưu điện.

Trong quá trình hoạt động, Học viện đã có nhiều đổi mới về cơ cấu tổ chức và quản lý, Học viện đã thành lập một số khoa mới như khoa Đa Phương tiện. Với mục tiêu gắn kết đào tạo với nghiên cứu Học viện đã xây dựng cơ chế quản lý và tổ chức để Viện kinh tế Bưu điện tham gia và triển khai hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh của Học viện.

Từ khi Học viện được thành lập đến nay, Khoa Tài chính kế toán 1 và Viện Kinh tế Bưu điện đã thực hiện đào tạo 9 khóa đại học chính quy ngành Kế toán, 19 khóa đại học chính quy ngành Quản trị kinh doanh và 16 khóa trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Ngoài ra, các đơn vị trên còn tham gia thực hiện các hình thức đào tạo khác của Học viện, như các khoá đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp bưu chính viễn thông, bồi dưỡng thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên kinh doanh.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông luôn chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên. Hiện nay, Học viện có trên 100 giảng viên cơ hữu giảng dạy trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh, trong đó có 1 giáo sư và 1 phó giáo sư và trên 20 giảng viên có trình độ từ tiến sĩ trở lên, còn lại tất cả các giảng viên đều có trình độ thạc sĩ. Trong số các thạc sĩ, nhiều giảng viên đang học nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.

Trước tháng 07/2014, Học viện là đơn vị thành viên của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, từ tháng 07/2014 trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông nên Học viện có cơ hội và điều kiện tiếp cận với thực tiễn mạng lưới, thực tiễn khai thác và kinh doanh của các nhà khai thác dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trong và ngoài nước. Điểm khác biệt lớn của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông so với các trường Đại học khác là Học viện vừa có trường vừa có viện nghiên cứu, các hoạt động của Học viện vừa bám sát được thực tiễn, vừa có nghiên cứu chuyên sâu, qua đó duy trì được hoạt

động đào tạo chất lượng cao và luôn đáp ứng được nhu cầu xã hội. Để thực hiện gắn kết giữa đào tạo và thực tiễn sản xuất kinh doanh, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông đã thường xuyên mời các lãnh đạo, các chuyên gia của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tham gia giảng dạy, báo cáo chuyên đề trong các chương trình đào tạo đại học, sau đại học và các lớp bồi dưỡng cán bộ quản trị kinh doanh cho các doanh nghiệp bưu chính viễn thông.

Tham gia vào giảng dạy ngành Công nghệ tài chính còn có các khoa Công nghệ thông tin, là các khoa mũi nhọn của Học viện và song song với là Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

Như vậy, để triển khai thực hiện chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ tài chính, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sẽ có trên 150 giảng viên cơ hữu đảm nhiệm hầu hết các môn học trong chương trình đào tạo.

Căn cứ vào các quy định hiện hành, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông có đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu; cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện; năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học ... và có khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo trình độ trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính.

Các dữ liệu về năng lực, điều kiện và chương trình đào tạo của Học viện đối với ngành Công nghệ tài chính trình độ đại học được trình bày chi tiết trong Phần II của Đề án.

Trên đây là những căn cứ quan trọng để Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông xây dựng Đề án mở ngành đào tạo Công nghệ tài chính (Fintech) trình độ đại học, một ngành đào tạo phục vụ cho sự phát triển ngành Công nghệ tài chính (Fintech), một lĩnh vực còn mới ở Việt Nam và đang có những bước phát triển hết sức mạnh mẽ, đồng thời cũng góp phần giúp doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh phát triển trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tiến tới xã hội 5.0, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập quốc tế; góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

PHẦN II: TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH

2.1 ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ NGHIÊN CỨU CƠ HỮU ĐẢM NHẬN NGÀNH ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (FINTECH) TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận, bổ nhiệm	Học vị, cơ sở đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1.	Trịnh Anh Tuấn, 1975	PGS, 2017	Tiến sỹ, ĐH Công nghệ và Kinh tế, 2005	Tiến sỹ Khoa học máy tính	2005-nay: đào tạo đại học và sau đại học tại ĐH Corvinus Budapest, Hungary, ĐH Luxembourg, ĐH Bern, Thụy Điển	99 bài báo https://m2.mtmt.hu/api/publication?cond=authors:in:10012167&cond=category.mtid:eq:1&labelLang=eng&page=10
2.	Bùi Xuân Phong, 1950	GS, 2002	Tiến sỹ, ĐH Giao thông đường sắt Maxcova, Liên Xô, 1986	Tiến sỹ Kinh tế, kế hoạch hóa và quản lý GTVT và Bưu điện	1976-nay: đào tạo đại học và sau đại học tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, ĐH Giao thông vận tải	5 đề tài, 10 bài báo (5 năm gần nhất)
3.	Từ Minh Phương, 1971	GS, 2019	Tiến sỹ, Viện Điều khiển học, Viện Hàn lâm khoa học Udobekistant, 1995	Điều khiển trong các hệ kỹ thuật	2000 – nay: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	01 đề tài cấp NN, 12 bài báo quốc tế (5 năm gần đây)
4.	Đặng Minh Tuấn, 1966		Tiến sỹ, Viện KHCN Quân sự, 2017	Bảo đảm toán học cho tin học	2017- nay: đào tạo đại học và sau đại học tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	15 đề tài NCKH, 21 bài báo,
5.	Nguyễn Mạnh Hùng, 1982	PGS, 2019	Tiến sỹ, Université de Toulouse III Paul Sabatier, Pháp, 2010	Công nghệ thông tin	2010 – nay: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	01 đề tài cấp NN, 10 bài báo quốc tế (5 năm gần đây)
6.	Phạm Văn Cường, 1976	PGS, 2016	Thạc sỹ, ĐH bang New Mexico, Hoa Kỳ, 2005, Tiến sỹ, ĐH Newcastle, Anh Quốc, 2012	Thạc sỹ Khoa học máy tính, Tiến sỹ Khoa học máy tính	2000-nay: đào tạo đại học và sau đại học Tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, ĐH Palermo (Ý)	4 đề tài, 11 bài báo (5 năm gần nhất)
7.	Hoàng Xuân Dậu, 1969		Thạc sỹ, ĐH RMIT, Úc, 2000, Tiến sỹ, ĐH	Thạc sỹ Công nghệ các hệ thống máy tính,	2000- nay: đào tạo đại học và sau đại học tại Học viện	1 đề tài, 11 bài báo (5 năm gần nhất)

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận, bổ nhiệm	Học vị, cơ sở đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo (năm, CSDT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
			RMIT, Úc, 2006	Tiến sỹ Khoa học máy tính	Công nghệ Bưu chính Viễn thông	
8.	Ngô Xuân Bách, 1984		Thạc sỹ, Viện Khoa học và Công nghệ Tiên tiến Nhật Bản (JAIST), Tiến sỹ, Viện Khoa học và Công nghệ Tiên tiến Nhật Bản (JAIST), 2014	Thạc sỹ Khoa học máy tính, Tiến sỹ Khoa học máy tính	2006- nay: đào tạo đại học và sau đại học tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	13 bài báo
9.	Đặng Thị Việt Đức, 1980		Thạc sỹ, Đại học Leeds, Anh Quốc, 2005, Tiến sỹ, Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật Bản (JAIST), 2009	Thạc sỹ kinh tế, Tiến sỹ Khoa học tri thức trong kinh tế	2005-nay: đào tạo đại học và sau đại học tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Đại học Mở Hà Nội	10 đề tài, 36 bài báo, 2 sách tham khảo
10.	Vũ Quang Kết, 1976		Thạc sỹ, ĐH New South Wales, Úc, 2004, Tiến sỹ, ĐH Kinh tế, ĐH Quốc gia Hà Nội, 2019	Thạc sỹ Tài chính, Tiến sỹ Kinh tế quốc tế	1999-nay: đào tạo đại học tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Đại học Mở Hà Nội	15 bài báo, 4 sách
11.	Nguyễn Thị Vân Anh, 1982		Thạc sỹ, ĐH Bournemouth, Anh Quốc, 2009, Tiến sỹ, Học viện Khoa học xã hội, 2017	Thạc sỹ Tài chính, Tiến sỹ Quản lý kinh tế	2013- nay: đào tạo đại học tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Đại học Quốc gia Hà Nội	8 đề tài, 5 đề tài, 8 bài báo
12.	Trần Đình Nam, 1977		Thạc sỹ, ĐH Kinh tế Quốc dân, 2008, Tiến sỹ, ĐH Kinh tế Quốc dân, 2018	Thạc sỹ Tài chính ngân hàng, Tiến sỹ Tài chính ngân hàng	2001-nay: đào tạo đại học tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, trường Trung cấp Kinh tế tài chính Hà Nội	7 bài báo
13.	Dương Nguyễn Uyên Minh, 1971		Thạc sỹ, ĐH Kinh tế Tp.	Thạc sỹ Tài chính, lưu	1995-nay: giảng dạy đại học tại Học viện	05 đề tài (5 năm gần nhất)

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận, bổ nhiệm	Học vị, cơ sở đào tạo, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
			Hồ Chí Minh, 2000	thông tin tậ và tin dụng	Công nghệ Bưu chính Viễn thông	
14.	Abdul Jabbar		Thạc sỹ, ĐH Huddersfield , Anh Quốc Tiến sỹ, ĐH Huddersfield , Anh Quốc,	Thạc sỹ Phát triển ứng dụng internet Tiến sỹ Quản trị	2001- nay: đào tạo đại học và sau đại học tại ĐH Huddersfield, Anh Quốc	24 bài báo, 1 chương sách, 4 lần là diễn giả của các hội nghị khoa học quốc tế
15.	Ming Luo		Thạc sỹ, ĐH Kent, Anh Quốc, Tiến sỹ, ĐH Kent, Anh Quốc, 2018	Thạc sỹ Đầu tư và rủi ro tài chính, Tiến sỹ Khoa học quản trị	2018-nay: đào tạo đại học và sau đại học tại ĐH Huddersfield, Anh Quốc	4 bài báo

2.2 CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

2.2.1 Thiết bị phục vụ đào tạo

Số TT	Loại phòng học	SL	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phân/môn học	Diện tích (m ²)		
1	Phòng học lý thuyết	02	178	Máy chiếu Casio JX-V2	02			Đúng với hồ sơ	
				Hệ thống âm thanh	02				
2	Phòng học lý thuyết	05	148	Máy chiếu Casio JX-V2	05			Đúng với hồ sơ	
				Hệ thống âm thanh	05				
3	Phòng học lý thuyết	02	138	Máy chiếu Casio JX-V2	02			Đúng với hồ sơ	
				Hệ thống âm thanh	02				
4	Phòng học lý thuyết	06	118	Máy chiếu Casio JX-V2	06			Đúng với hồ sơ	
				Hệ thống âm thanh	06				
5	Phòng học lý thuyết	03	103	Máy chiếu Casio JX-V2	03			Đúng với hồ sơ	
				Hệ thống âm thanh	03				
6	Phòng học lý thuyết	13	90	Máy chiếu Casio JX-V2	13			Đúng với hồ sơ	
				Hệ thống âm thanh	13				
				Máy tính	02				
7	Phòng học lý thuyết	08	70	Máy chiếu Casio JX-V2	08			Đúng với hồ sơ	
				Hệ thống âm thanh	06				
8	Phòng học lý thuyết	07	60	Máy chiếu Casio JX-V2	06			Đúng với hồ sơ	
				Hệ thống âm thanh	01				

Số TT	Loại phòng học	SL	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/ môn học	Diện tích (m ²)		
				Máy tính	02				
	TV 49 in	01							
9	Phòng học lý thuyết	10	50	Máy chiếu Casio JX-V2	10			Đúng với hồ sơ	
10	Phòng học ngoại ngữ	10	52	TV 49 in	10			Đúng với hồ sơ	
				Radiocassete	10				
11	Phòng học máy tính	02	90	Máy chiếu Casio JX-V2	02			Đúng với hồ sơ	
				Hệ thống âm thanh	01				
				Máy tính	84				
12	Phòng học máy tính	03	55	Máy chiếu	03			Đúng với hồ sơ	
				Máy tính	80				
13	Phòng học lý thuyết	02	30	TV 49 in	02			Đúng với hồ sơ	
14	Phòng Lab An toàn thông tin	01	50	Máy tính (nối mạng)	20			Đúng với hồ sơ	
15	Phòng Lab Blockchain	01	50	Máy tính (nối mạng)	20			Đúng với hồ sơ	
	Cộng	73	5.964						

2.2.2 Thư viện, sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

2.2.2.1 Thư viện

- Diện tích thư viện: 500 m² Diện tích phòng đọc: 200 m²
- Số chỗ ngồi: 150 Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 12
- Phần mềm quản lý thư viện: 02
- Thư viện điện tử: 02, gồm có phần mềm Libol và phần mềm Dspace

(Thư viện điện tử của Học viện sử dụng các phương tiện điện tử trong thu thập, lưu trữ, xử lý, tìm và phổ biến thông tin dưới dạng số. Vốn tài liệu số có thể lưu trữ và truy nhập tại chỗ hoặc từ xa qua mạng máy tính internet. Thư viện điện tử hỗ trợ người dùng trong việc tra cứu tài liệu; dựa vào chức năng tìm kiếm trên máy có thể khai thác nhanh chóng và hiệu quả những tài liệu của thư viện hiện nay).

2.2.2.2 Danh mục sách, giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo

TT	Tên sách, giáo trình, bài giảng (5 năm gần đây)	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
Danh mục về Kinh tế, Quản lý, Tài chính, Ngân hàng, Kế toán						
1	Giáo trình tổ chức hạch toán kế toán	Trần Thị Cẩm Thanh	Chính Trị Quốc Gia - Sự thật	2014	5	Nguyên lý kế toán
2	Giáo trình kế toán tài chính, Quyền 1	Trần Thị Cẩm Thanh	Chính Trị Quốc Gia - Sự thật	2014	5	Kế toán tài chính doanh nghiệp
3	Giáo trình nguyên lý kế toán	Trần Đình Khôi Nguyên	Chính Trị Quốc Gia - Sự thật	2015	5	Nguyên lý kế toán

TT	Tên sách, giáo trình, bài giảng (5 năm gần đây)	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
4	Kế toán quản trị	Bùi Xuân Phong, Vũ Quang Kết	HVCNBCVT	2014	Số hóa	Kế toán quản trị
5	Kế toán tài chính 1	Đình Xuân Dũng	HVCNBCVT	2014	Số hóa	Kế toán tài chính doanh nghiệp
6	Kế toán tài chính 2	Nguyễn Thị Chinh Lam	HVCNBCVT	2014	Số hóa	Kế toán tài chính doanh nghiệp
7	Thanh toán và tín dụng quốc tế	Bùi Xuân Phong	HVCNBCVT	2014	Số hóa	Thanh toán Quốc tế
8	CFA	Nguyễn Đình Tú	HVCNBCVT	2015	Số hóa	Quản trị tài chính doanh nghiệp
9	Kiểm toán căn bản	Nguyễn Thị Chinh Lam	HVCNBCVT	2015	Số hóa	Kiểm toán căn bản
10	Luật kinh doanh	Lê Minh Toàn	HVCNBCVT	2015	Số hóa	Luật kinh doanh
11	Kinh tế lượng	Trần Ngọc Minh	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Kinh tế lượng tài chính
12	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Phạm Tú Anh	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Quản trị công nghệ
13	Phân tích hoạt động kinh doanh	Bùi Xuân Phong	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Phân tích hoạt động kinh doanh
14	Hệ thống thông tin kế toán	Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Việt Lê	HVCNBCVT	2017	Số hóa	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính
15	Định giá doanh nghiệp	Bùi Xuân Phong, Đặng Thị Việt Đức	HVCNBCVT	2017	Số hóa	Đầu tư Tài chính
16	Pháp luật thương mại điện tử	Trần Đoàn Hạnh	HVCNBCVT	2018	Số hóa	Thương Mại điện tử
17	Quản trị công nghệ	Phan Tú Anh	HVCNBCVT	2018	Số hóa	Quản trị công nghệ
18	Quản trị kinh doanh bán lẻ trực tuyến	TS. Trần Thị Thập	HVCNBCVT	2018	Số hóa	Công nghệ Tài chính căn bản
19	Xây dựng website thương mại điện tử	Th.S.Ao Thu Hoài TS. Trần Thị Thập Th.S.Nguyễn Hoàng Anh	HVCNBCVT	2018	Số hóa	Thiết kế Web
20	Kiểm toán tài chính	Lê Thị Ngọc Phương Ths.Nguyễn Thị Chinh Lam	HVCNBCVT	2018	Số hóa	Kiểm toán căn bản
21	Thị trường chứng khoán	Vũ Quang Kết Nguyễn Thị Vân Anh	HVCNBCVT	2018	Số hóa	Đầu tư tài chính
22	Kế toán quản trị	Bùi Xuân Phong	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Kế toán quản trị
23	Kế toán quản trị 2	Vũ Quang Kết	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Kế toán quản trị
24	Thanh toán quốc tế	Bùi Xuân Phong	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Thanh toán quốc tế
25	GT Tài chính tiền tệ	Đặng Thị Việt Đức (chủ biên) Vũ Quang Kết Phan Anh Tuấn	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Tài chính tiền tệ
26	Phân tích Marketing	Nguyễn Thị Hoàng Yến	HVCNBCVT	2019	Số hóa	E-Marketing

TT	Tên sách, giáo trình, bài giảng (5 năm gần đây)	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
27	Quản trị quan hệ khách hàng	Nguyễn Bình Minh	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Quản trị quan hệ khách hàng
28	Logicstic căn bản	Trần Thị Hòa Vũ Trọng Phong	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Công nghệ tài chính căn bản
29	Pháp luật thương mại điện tử và an toàn thông tin	Trần Đoàn Hạnh	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Luật Kinh doanh
30	Pháp luật đại cương	Trần Đoàn Hạnh	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Pháp luật đại cương
31	Phân tích và thiết kế hệ thống Thương mại điện tử	Lê Thị Ngọc Diệp Đỗ Thị Lan Anh	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Phát triển các hệ thống thương mại điện tử
32	Thống kê doanh nghiệp	Vũ Trọng Phong	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
33	Bán lẻ trực tuyến	Trần Thị Thập	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Công nghệ tài chính căn bản
34	Khởi sự kinh doanh thương mại điện tử	Nguyễn Thị Minh An	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Đổi mới sáng tạo tài chính
35	Quản trị dự án đầu tư	Phan Tú Anh	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Quản trị Công nghệ
36	Thương mại điện tử căn bản	Trần Thị Thập	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Thương mại điện tử căn bản
37	Thanh toán điện tử	Nguyễn Trần Hưng Trần Thị Thập	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Công nghệ tài chính căn bản
38	Introduction to financial technology 4 th Canadian edition	Roy S. Freedman	Pearson Canada	2006	1	Công nghệ tài chính căn bản-Fintech
39	Financial Analysis with Microsoft Excel 2016	Timothy R. Mayes, Todd M. Shank	Cengage Learning; 8 edition	2017	1	Phân tích tài chính
40	Financial Reporting, Financial Statement Analysis, and Valuation: A Strategic Perspective	Wahlen J.M., Baginski S.P., Bradshaw M.T	South-Western Cengage Learning, 7th edition	2013	1	Phân tích tài chính doanh nghiệp
41	Principle of Corporate Finance	Brealey R., Myers, B., Allen F.	McGraw-Hill Education; 13 edition	2019	1	Tài chính doanh nghiệp
42	Leading Digital: Turning Technology into Business Transformation,	Westerman G., Bonnet D., McAfee A.	Harvard Business Review Press	2014	1	Công nghệ tài chính căn bản
43	The Innovator's Hypothesis: How Cheap Experiments Are Worth More than Good Ideas	Schrage M.	The MIT Press.	2016	1	Đổi mới sáng tạo tài chính
44	Risk management in Banking	Joel Bessis	Wiley; 4 edition	2015	1	Quản trị rủi ro tài chính
45	Financial Services Technology: Processes, Architecture, and Solutions, 2nd Edition	Randall E. Duran	Cengage Asia	2017	1	Công nghệ tài chính căn bản
46	The Future of Finance: The Impact of FinTech, AI, and Crypto on Financial Services	Henri Arslanian, Fabrice Fischer	Palgrave Macmillan	2019	1	Công nghệ tài chính căn bản
47	The Future of FinTech: Integrating Finance and Technology in Financial Services	Bernardo Nicoletti	Palgrave Macmillan	2017	1	Đổi mới sáng tạo tài chính
48	Machine Learning in Finance: From Theory to Practice	Matthew F. Dixon, Igor Halperin, Paul Bilokon	Springer	2020	1	Phân dữ liệu tài chính qui mô lớn

TT	Tên sách, giáo trình, bài giảng (5 năm gần đây)	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
49	Python for Finance: Mastering Data-Driven Finance 2nd Edition	Yves Hilpisch	O'Reilly Media	2019	1	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính
50	Data Analytics for Corporate Debt Markets: Using Data for Investing, Trading, Capital Markets, and Portfolio Management	Robert S. Kricheff	Pearson FT Press	2014	1	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính
51	Big Data and Machine Learning in Quantitative Investment	Tony Guida	Wiley	2019	1	Phân dữ liệu tài chính qui mô lớn
52	Global Business Analytics Models: Concepts and Applications in Predictive, Healthcare, Supply Chain, and Finance Analytics	Hokey Min	Pearson FT Press	2016	1	Phân dữ liệu tài chính qui mô lớn
53	Introduction To Financial Modelling: How to Excel at Being a Lazy	Liam Bastick	Holy Macrol Books	2020	1	Kinh tế lượng tài chính
54	Blockchain: Ultimate Beginner's Guide to Blockchain Technology - Cryptocurrency, Smart Contracts, Distributed Ledger, Fintech, and Decentralized Applications	Matthew Connor , Maia Collins	CreateSpace Independent Publishing Platform	2018	1	Tiền số và công nghệ blockchain
55	The Basics of Bitcoins and Blockchains: An Introduction to Cryptocurrencies and the Technology that Powers Them	Antony Lewis	Mango	2018	1	Tiền số và công nghệ blockchain
56	Inclusive FinTech:Blockchain, Cryptocurrency and ICO	David Kuo Chuen Lee, Linda Low	World Scientific Publishing Company	2018	1	Tiền số và công nghệ blockchain
57	The REGTECH Book: The Financial Technology Handbook for Investors, Entrepreneurs and Visionaries in Regulation	Janos Barberis, Douglas W. Arner, Ross P. Buckley	Wiley	2019	1	Công nghệ tài chính căn bản
58	Fintech in a Flash: Financial Technology Made Easy	Agustin Rubini	De G PRESS	2018	1	Công nghệ tài chính căn bản
59	Financial Management for Technology Start-Ups: A Handbook for Growth	Alnoor Bhimani	Kogan Page	2017	1	Đổi mới sáng tạo tài chính
60	Angel: How to Invest in Technology Startups--Timeless Advice from an Angel Investor Who Turned \$100,000 into \$100,000,000	Jackson Calananis	Harper Business	2017	1	Đổi mới sáng tạo tài chính
61	The INSURTECH Book: The Insurance Technology Handbook for Investors, Entrepreneurs and FinTech Visionaries	Sabine L.B VanderLinden, Shan M. Millie, Nicole Anderson, Susanne Chishti	Wiley	2018	1	Công nghệ tài chính căn bản
62	FinTech, BigTech and Banks: Digitalisation and Its Impact on Banking Business Models	Alessandra Tanda, Cristiana-Maria Schena	Palgrave Pivot	2019	1	Đổi mới sáng tạo tài chính chính
63	Corporate Finance	Stephen Ross, Randolph Westerfield, Jeffrey Jaffe, Bradford Jordan	McGraw-Hill Education; 12 edition	2018	1	Quản trị Tài chính doanh nghiệp
64	Fintech and the Remaking of Financial Institutions	John Hill	Academic Press	2018	1	Công nghệ tài chính căn bản

TT	Tên sách, giáo trình, bài giảng (5 năm gần đây)	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
65	Introductory Econometrics for Finance (4th ed.)	Chris Brooks	Cambridge University Press	2019	1	Kinh tế lượng tài chính
66	<i>Financial Econometrics_ Methods and Models (Routledge Advanced Texts in Economics and Finance)</i>	Peijie Wang	Routledge	2002	1	Kinh tế lượng tài chính
67	Computational Finance: An Introductory Course with R	Arratia A.	Atlantis Press	2014	1	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu tài chính
68	Quantitative Trading with R: Understanding Mathematical and Computational Tools from a Quant's Perspective	Georgakopoulos H	Palgrave Macmillan	2015	1	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu tài chính
69	Phân Tích Báo Cáo Tài Chính: Hướng dẫn thực hành	Fernando Alvarez, Martin Fridson	Kinh tế Tp HCM	2013	5	Phân tích báo cáo tài chính
70	Lập, Đọc, Phân Tích Và Kiểm Tra Báo Cáo Tài Chính	Trần Mạnh Dũng, Phạm Đức Cường, Đinh Thế Hùng	Tài chính	2017	5	Phân tích báo cáo tài chính
71	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Vũ Duy Hào, Đàm Văn Huệ	NXB Giao thông vận tải	2009	5	Quản trị tài chính- Fintech
72	Quản trị tài chính doanh nghiệp: Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm bài tập và đáp án	Vũ Duy Hào, Lưu Thị Hương	NXB Giao thông vận tải	2009	5	Quản trị tài chính
73	Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo: Chiến lược, quy trình, phương pháp triển khai và lợi nhuận	Afuah A.	NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	2012	5	Đổi mới sáng tạo tài chính
74	Chiến Lược Đại Dương Xanh	Mauborgne R., Kim W.C.	NXB Lao động	2017	5	Đổi mới sáng tạo tài chính- Fintech
75	Quản trị rủi ro tài chính	Nguyễn Minh Kiều	NXB Tài chính	2014	5	Quản trị rủi ro tài chính
76	Thị Trường Tài Chính Và Quản Trị Rủi Ro Tài Chính	Nguyễn văn tiến	NXB Hồng Đức	2018	5	Quản trị rủi ro tài chính
77	Tài chính doanh nghiệp	McGraw-Hill	NXB Kinh tế Hồ Chí Minh	2017	5	Tài chính doanh nghiệp
78	Nghiệp Vụ Ngân Hàng Thương Mại Hiện Đại Tập 1	Nguyễn Minh Kiều	NXB Tài chính	2013	5	Nghiệp vụ Ngân Hàng
79	Nghiệp Vụ Ngân Hàng Thương Mại Hiện Đại Tập 2	Nguyễn Minh Kiều	NXB Tài chính	2013	5	Nghiệp vụ Ngân Hàng
80	Ngân hàng đột phá = Breaking bank	Brett King	NXB Hồng Đức	2017	5	Nghiệp vụ Ngân Hàng
81	Quản Trị Ngân Hàng Thương Mại	Peter S Rose	NXB Tài chính	2001	5	Nghiệp vụ Ngân Hàng
82	Đầu tư tài chính	TS. Nguyễn Thị Hoài Lê	NXB Tài chính	2013	5	Đầu tư tài chính
83	Giáo trình Đầu tư tài chính	TS. Võ Thị Thúy Anh, ThS. Lê Phương Dung, ThS. Đặng Hữu Mẫn	NXB Tài chính	2014	5	Đầu tư tài chính
84	Đầu tư tài chính (Investments)	Bodie/ Kane/ Marcus	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh	2019	5	Đầu tư tài chính
85	Giáo trình Phân tích đầu tư Chứng khoán	PGS.TS Nguyễn Thị Minh Huệ,	NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	2019	5	Đầu tư tài chính

TT	Tên sách, giáo trình, bài giảng (5 năm gần đây)	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
		PGS.TS. Trần Đặng Khâm				
86	Phân tích Kỹ thuật	Steven B. Achelis	NXB Thông tán	2013	5	Đầu tư tài chính
87	Mô Hình phân tích và định giá Tài sản tài chính – Tập 1	PGS.TS Hoàng Đình Tuấn (Đại Học Kinh tế Quốc dân)	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2010	5	Định giá tài sản
88	Mô Hình phân tích và định giá Tài sản tài chính – Tập 2	PGS.TS Hoàng Đình Tuấn (Đại Học Kinh tế Quốc dân)	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2011	5	Định giá tài sản
89	Giáo trình Tài chính quốc tế	GS.TS Nguyễn Văn Tiền	NXB Thống Kê	2017	5	Tài chính quốc tế - Fintech
90	Tài chính quốc tế	PGS.TS Phan Thị Cúc, TS. Nguyễn Trung Thực, ThS Nguyễn, Hoàng Hưng, Ths Nguyễn Thị Thúy Nga	Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia TP.HCM	2012	5	Tài chính quốc tế
91	International Financial Management	CHEOL S. EUN – BRUCE G. RESNICK	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh	2016	5	Quản trị tài chính
92	The Fintech Book - Công Nghệ Tài Chính Dành Cho Người Nhìn Xa Trông Rộng	Susanne Chrishti- Janos Barberis	NXB Thông tin và truyền thông	2019	5	Fintech
93	FINTECH 4.0 - Những Điển Hình Thành Công Trong Cuộc Cách Mạng Công Nghệ Tài Chính	Yoshitaka Kitao	NXB Công thương	2019	5	Fintech
94	Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và tài chính	TS. Phạm Thị Tuyết Trinh	NXB Kinh tế Tp Hồ Chí Minh	2018	5	Fintech
95	Dự báo và phân tích dữ liệu trong kinh tế và tài chính	Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy	NXB Thống kê	2009	5	Fintech
Danh mục về Công nghệ thông tin						
96.	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán (Phân tích và cài đặt trên C++). Tập 1	Trần Thông Quế	Thông tin và truyền thông	2014	5	Tin học cơ sở 1, 3
97.	Tin học cơ bản ứng dụng trong đời sống	Thái Thanh Sơn	Thông tin và truyền thông	2014	5	Tin học cơ sở 1, 3
98.	Các mô hình cơ bản trong phân tích và thiết kế hướng đồ i tượng	Lê Văn Phùng	Thông tin và truyền thông	2014	5	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý
99.	Giáo trình Mạng và truyền dữ liệu	Nguyễn Ngọc Cươ ng, Phạm Ngọc Lãn g	Thông tin và truyền thông	2014	30	Tin học cơ sở 1, 3
100.	GameMaker: Studio for dummies	Michael Rohde	John Wiley & Sons	2014	1	Phát triển ứng dụng trên di động
101.	Beginning iOS programming: buil ding and deploying ios applicat ions	Nick Harris	John Wiley & Sons	2014	1	Phát triển ứng dụng trên di động

TT	Tên sách, giáo trình, bài giảng (5 năm gần đây)	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
102.	Kỹ thuật phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng cấu trúc	Lê Văn Phùng	Thông tin và truyền thông	2014	30	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý
103.	Microsoft Office 2013: Project Learn	Glen Coulthard, Michael Orwick, Judith Scheeren	McGraw-Hill/Irwin	2014	1	Tin cơ học cơ sở 1
104.	Microsoft Office 2013: in practice	Randy Nordell	McGraw-Hill/Irwin	2014	1	Tin học cơ sở
105.	Python for kids for dummies	Brendan Scott	John Wiley & Sons	2015	1	Cơ sở dữ liệu
106.	Intro to Python for Computer Science and Data Science: Learning to Program with AI, Big Data and The Cloud, 1st edition	Paul J. Deitel, Harvey Deitel	O'Reilly Media	2019	1	Lập trình Python
107.	iPad mini for dummies / Edward C	Edward C. Baig and Bob LeVitus.	John Wiley & Sons	2015	1	Phát triển ứng dụng trên di động
108.	Getting a coding job for dummies	Nikhil Abraham, with Kathleen Taylor and Bud E. Smith	John Wiley & Sons	2015	1	Lập trình web, Lập trình java
109.	Microsoft Office 2016 at work for dummies	Faithe Wempen	John Wiley & Sons	2015	1	Tin học cơ sở
110.	Fire tablets for dummies	Nancy Muir	John Wiley & Sons	2015	1	Phát triển ứng dụng trên di động
111.	Giáo trình Cơ sở dữ liệu lý thuyết và thực hành	Nguyễn Ngọc Cương (C.b), Vũ Chí Quang	Thông tin và truyền thông	2015	30	Cơ sở dữ liệu
112.	IPad in education for dummies	Sam Gliksman	John Wiley & Sons	2015	1	Phát triển ứng dụng trên di động
113.	Giáo trình Kỹ thuật lập trình C - cơ sở và nâng cao	Phạm Văn Át, Đỗ Văn Tuấn	Thông tin và truyền thông	2016	30	Tin học cơ sở
114.	Giáo trình nhập môn Trí tuệ nhân tạo	Từ Minh Phương	Thông tin và truyền thông	2016	239	Trí tuệ nhân tạo
115.	The innovator's dilemma when new technologies cause great firms to fail	Clayton M. Christensen	Harvard Business Review Press	2016	1	Chuyên đề fintech
116.	Creating digital animations	Derek Breen	Hoboken, New Jersey	2016	1	Chuyên đề fintech
117.	Công nghệ 4G LTE và chiến lược, lộ trình phát triển ở Việt Nam	Trần Minh Tuấn	Thông tin và truyền thông	2016	4	Phát triển ứng dụng di động
118.	Giáo trình Tin học cơ sở	Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, Trần Hồng Yến	Thông tin và Truyền thông	2017	29	Tin học cơ sở
119.	Dữ liệu lớn Phân tích và đo lường dữ liệu thông minh để đưa ra quyết định đúng đắn và cải thiện hiệu suất	Bernard Marr; Thủy Nguyên dịch	Công thương	2017	5	Khoa học dữ liệu tài chính
120.	AWS for Admins for dummies	John Paul Mueller	For Dummies, a Wiley brand	2017	1	Khoa học dữ liệu tài chính
121.	Giáo trình Hệ điều Hành	Từ Minh Phương	NXB Thông tin & truyền thông	2017	240	Trí tuệ nhân tạo
122.	Quản lý an toàn thông tin	Hoàng Đăng Hải	Khoa học và Kỹ thuật	2017	5	An toàn thông tin

TT	Tên sách, giáo trình, bài giảng (5 năm gần đây)	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
123.	Introduction to data mining	Pang-Ning Tan, Michigan State University, Michael Steinbach, University of Minnesota, Anuj Karpatne, University of Minnesota, Vipin Kumar, University of Minnesota	Pearson Education, Inc	2019	1	Trí tuệ nhân tạo
124.	Các hệ thống phân tán	Nguyễn Xuân Anh	HVCNBCVT	2014	Số hóa	Cơ sở dữ liệu
125.	Cơ sở dữ liệu	Nguyễn Quỳnh Chi	HVCNBCVT	2014	Số hóa	Cơ sở dữ liệu
126.	Kho dữ liệu và khai phá dữ liệu	Nguyễn Quỳnh Chi	HVCNBCVT	2014	Số hóa	Cơ sở dữ liệu
127.	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	Hà Hải Nam	HVCNBCVT	2014	Số hóa	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý
128.	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Phạm Văn Cường	HVCNBCVT	2014	Số hóa	Phát triển ứng dụng trên di động
129.	Quản lý dự án phần mềm	Nguyễn Quỳnh Chi	HVCNBCVT	2014	Số hóa	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý
130.	Hệ cơ sở dữ liệu đa phương tiện	Nguyễn Đình Hóa	HVCNBCVT	2014	Số hóa	Cơ sở dữ liệu
131.	Các giao thức của Internet	Nguyễn Ngọc Điệp	HVCNBCVT	2014	Số hóa	Lập trình Web
132.	Hệ điều hành	Từ Minh Phương	HVCNBCVT	2015	Số hóa	Tin học cơ sở 1, 3.
133.	Kỹ thuật theo dõi, giám sát an toàn mạng	Nguyễn Ngọc Điệp	HVCNBCVT	2015	Số hóa	An toàn bảo mật thông tin
134.	Mạng máy tính	Nguyễn Xuân Anh	HVCNBCVT	2015	Số hóa	Lập trình Web
135.	Mật mã học và ứng dụng	Đỗ Xuân Chợt	HVCNBCVT	2015	Số hóa	An toàn bảo mật thông tin
136.	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	Từ Minh Phương	HVCNBCVT	2015	Số hóa	Trí tuệ nhân tạo
137.	Các kỹ thuật lập trình	Nguyễn Duy phương	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Lập trình Java, lập trình web
138.	Các kỹ thuật lập trình (Sách bài tập)	Nguyễn Duy phương	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Lập trình Java, lập trình web
139.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Nguyễn Duy Phương	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Lập trình Java, lập trình web
140.	Cơ sở an toàn thông tin	Hoàng Xuân Dậu Nguyễn Thị Thanh Thủy	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Lập trình Java, lập trình web
141.	Đảm bảo chất lượng phần mềm	Đỗ Thị Bích Ngọc	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Lập trình Java, lập trình web
142.	Hệ cơ sở dữ liệu đa phương tiện	Nguyễn Đình Hóa	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Cơ sở dữ liệu

TT	Tên sách, giáo trình, bài giảng (5.năm gần đây)	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
143.	Hệ điều hành Windows và Linux/Unix	Phạm Hoàng Duy	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Tin học cơ sở 1, 3.
144.	Lập trình hướng đối tượng	Nguyễn Mạnh Sơn	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Lập trình Java, lập trình web
145.	Lập trình mạng	Nguyễn Mạnh Hùng	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Lập trình Java, lập trình web
146.	Lập trình web	Trịnh Văn Anh	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Lập trình web
147.	Mật mã học cơ sở	Đỗ Xuân Chợ	HVCNBCVT	2016	Số hóa	An toàn bảo mật thông tin
148.	Ngôn ngữ lập trình C++	Nguyễn Mạnh Sơn	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Lập trình Java, lập trình web
149.	Nhập môn Công nghệ phần mềm	Nguyễn Mạnh Hùng	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý
150.	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	Hà Hải Nam	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý
151.	Tin học cơ sở 1	Phan Thị Hà	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Tin học cơ sở
152.	Tin học cơ sở 2	Phan Thị Hà	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Tin học cơ sở
153.	Tin học cơ sở 3	Phan Thị Hà	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Tin học cơ sở
154.	Tin học quản lý	Trịnh Văn Anh	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Tin học cơ sở
155.	Toán rời rạc 1	Nguyễn Duy Phương	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Toán rời rạc
156.	Toán rời rạc 2	Nguyễn Duy Phương	HVCNBCVT	2016	Số hóa	Toán rời rạc
157.	Kiến trúc và thiết kế phần mềm	Trần Đình Quế	HVCNBCVT	2017	Số hóa	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý
158.	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Trần Đình Quế	HVCNBCVT	2017	Số hóa	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý
159.	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Hoàng Xuân Dậu	HVCNBCVT	2017	Số hóa	An toàn bảo mật thông tin
160.	Các hệ thống dựa trên tri thức	Nguyễn Quang Hoan	HVCNBCVT	2017	Số hóa	Trí tuệ nhân tạo
161.	Các hệ thống phân tán	Nguyễn Xuân Anh	HVCNBCVT	2017	Số hóa	Lập trình java
162.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật nâng cao trên Java	Nguyễn Duy Phương	HVCNBCVT	2017	Số hóa	Lập trình java
163.	An toàn ứng dụng web và cơ sở dữ liệu	Hoàng Xuân Dậu	HVCNBCVT	2017	Số hóa	Cơ sở dữ liệu
164.	Kiểm thử xâm nhập	Nguyễn Ngọc Diệp	HVCNBCVT	2017	Số hóa	An toàn bảo mật thông tin
165.	An toàn hệ điều hành	Phạm Hoàng Duy	HVCNBCVT	2017	Số hóa	An toàn bảo mật thông tin
166.	Mật mã học nâng cao	Đỗ Xuân Chợ	HVCNBCVT	2017	Số hóa	An toàn bảo mật thông tin

TT	Tên sách, giáo trình, bài giảng (5 năm gần đây)	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
167.	Kiến trúc và thiết kế phần mềm	Trần Đình Quế	HVCNBCVT	2017	Số hóa	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý
168.	Các kỹ thuật giấu tin	Đỗ Xuân Chợ	HVCNBCVT	2018	Số hóa	An toàn bảo mật thông tin
169.	Cơ sở ATTT	Hoàng Xuân Dậu	HVCNBCVT	2018	Số hóa	An toàn bảo mật thông tin
170.	Kho dữ liệu và khai phá dữ liệu	Nguyễn Quỳnh Chi	HVCNBCVT	2018	Số hóa	Trí tuệ nhân tạo
171.	Quản lý ATTT	Phạm Hoàng Duy	HVCNBCVT	2018	Số hóa	An toàn bảo mật thông tin
172.	Quản lý dự án phần mềm	Nguyễn Quỳnh Chi	HVCNBCVT	2018	Số hóa	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý
173.	Ngôn ngữ lập trình Java	Vũ Hữu Tiến Đỗ Thị Liên	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Lập trình java
174.	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Nguyễn Hoàng Anh	HVCNBCVT	2019	Số hóa	Phát triển ứng dụng trên di động

2.3 HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

2.3.1 Danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học đã thực hiện trong năm 2019 về lĩnh vực Quản trị kinh doanh, Tài chính kế toán, Công nghệ thông tin

Stt	Tên đề tài KHCN	Chủ trì đề tài	Đơn vị chủ trì đề tài	Cấp quyết định, mã số	Kết quả
1	Nghiên cứu đánh giá tác động của ngành ICT tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2018 và dự báo tới 2025	Viện KTBD	Viện KTBD	Bộ Thông tin và Truyền thông ĐT.23/19	Đạt/Đạt
2	Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm hệ thống ứng dụng Blockchain bảo mật nội dung thông tin trong các cổng thông tin của cơ quan nhà nước	Viện CNTT&TT CDIT	Viện CNTT&TT CDIT	Bộ Thông tin và Truyền thông ĐT.26/19	Đạt/Đạt
3	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) phân loại thông tin phản ánh của người dân trong xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam	Viện CNTT&TT CDIT	Viện CNTT&TT CDIT	Bộ Thông tin và Truyền thông ĐT.27/19	Đạt/Đạt
4	Nghiên cứu giải pháp quản lý dữ liệu phi tập trung IPFS (InterPlanetary File System) và ứng dụng trong Smart -Contract	Viện CNTT&TT CDIT	Viện CNTT&TT CDIT	Bộ Thông tin và Truyền thông ĐT.29/19	Đạt/Đạt
5	Nghiên cứu tiềm năng ứng dụng Blockchain trong các bài toán giao dịch vi mô trong nền kinh tế số	Viện CNTT&TT CDIT	Viện CNTT&TT CDIT	Bộ Thông tin và Truyền thông ĐT.30/19	Đạt/Đạt
6	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá cấp độ an toàn, cảnh báo nguy cơ mất an toàn thông tin mạng cho các trang thông tin/cổng thông tin điện tử	Khoa CNTT1	Khoa CNTT1	Đề tài KHCN cấp nhà Nước Mã số: KC.01.08/16-20	Đang thực hiện
7	Nghiên cứu phát triển nền tảng triển khai ứng dụng trí tuệ nhân	Khoa CNTT1	Khoa CNTT1	Đề tài KHCN cấp nhà Nước Mã số: KC.01.23/16-20	Đang thực hiện

Stt	Tên đề tài KHCV	Chủ trì đề tài	Đơn vị chủ trì đề tài	Cấp quyết định, mã số	Kết quả
	tạo (AI) cho công thông tin điện tử của cơ quan nhà nước				
8	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống tự động trợ giúp theo dõi hồ hấp và vận động bất thường dựa trên nền tảng Internet vạn vật (IoT-Internet of thing)	Khoa CNTT1	Khoa CNTT1	Đề tài KHCV cấp nhà Nước Mã số: ĐTĐLCN-16/18	Đang thực hiện
9	Phát triển, ứng dụng hệ thống xác thực bảo mật đa vai trò sử dụng vân tay trong lĩnh vực an ninh, ngân hàng	Viện KHKTBD	Viện KHKTBD	Đề tài KHCV cấp nhà Nước Mã số: 01/2018/CNC-HĐKHCV	Đang thực hiện
10	Nghiên cứu, phát triển hệ thống phân tích vết truy cập dịch vụ cho phép phát hiện, cảnh báo hành vi bất thường và nguy cơ mất an toàn thông tin trong Chính phủ điện tử	Khoa CNTT1	Khoa CNTT1	Đề tài KHCV cấp nhà Nước Mã số: KC.01.05/16-20	Đạt/Đạt
11	Phân tích tài chính giai đoạn hậu M&A ngân hàng SHB	TS. Nguyễn Thị Vân Anh, TS. Nguyễn Thị Việt Lê	Khoa TCKT1	Học viện Công nghệ BCVT 01-HV-2019/TCKT	Tốt
12	Nghiên cứu công tác kiểm toán nợ đọng xây dựng cơ bản trong kiểm toán ngân sách địa phương do Kiểm toán nhà nước khu vực VII thực hiện	TS. Nguyễn Văn Hậu	Khoa TCKT1	Học viện Công nghệ BCVT 02-HV-2019/TCKT	Tốt
13	Nghiên cứu các nhân tố tác động đến hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp thương mại niêm yết tại Việt Nam	TS. Vũ Quang Kết	Khoa TCKT1	Học viện Công nghệ BCVT 03-HV-2019/TCKT	Tốt
14	Vận dụng các mô hình kinh tế để đo lường rủi ro tài chính cho các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam	Ths. Nguyễn Thị Chinh Lam, TS Lê Thị Ngọc Phương	Khoa TCKT1	Học viện Công nghệ BCVT 04-HV-2019/TCKT	Tốt
15	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán quản trị chi phí môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam.	TS. Phạm Vũ Hà Thanh	Khoa TCKT1	Học viện Công nghệ BCVT 05-HV-2019/TCKT	Tốt
16	Nghiên cứu thu hút khu vực tư nhân tham gia đầu tư cho Đường sắt tốc độ cao theo hình thức đối tác công tư ở Việt Nam	GS.TS Bùi Xuân Phong	Khoa TCKT1	Học viện Công nghệ BCVT 06-HV-2019/TCKT	Tốt
17	Cách mạng công nghiệp 4.0 và hoạt động giáo dục đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	PGS.TS Nguyễn Thị Minh An	Khoa QTKD 1	Học viện Công nghệ BCVT 01-HV-2019-QTKD1	Tốt
18	Sự tham gia của các cơ sở đào tạo đại học vào hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Start-up) tại Việt Nam.	TS. Trần Thị Thập	Khoa QTKD 1	Học viện Công nghệ BCVT 02-HV-2019-QTKD1	Tốt
19	Nghiên cứu thị trường nội dung số tại Việt Nam	TS. Vũ Trọng Phong	Khoa QTKD 1	Học viện Công nghệ BCVT 03-HV-2019-QTKD1	Tốt
20	Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực logistics cho Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	TS. Trần Thị Hoà, Th.S Nguyễn Quang Huy (ĐHKQTĐ Hà Nội)	Khoa QTKD 1	Học viện Công nghệ BCVT 04-HV-2019-QTKD1	Tốt

Stt	Tên đề tài KHCN	Chủ trì đề tài	Đơn vị chủ trì đề tài	Cấp quyết định, mã số	Kết quả
21	Nghiên cứu ảnh hưởng của năng lực giảng viên đến kiến thức thu nhận của sinh viên khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.	TS. Lê Thị Ngọc Diệp	Khoa QTKD 1	Học viện Công nghệ BCVT 05-HV-2019-QTKD1	Tốt
22	Nghiên cứu chiến lược phát triển dịch vụ giá trị gia tăng di động của Tổng công ty VNPT - Vinaphone	Th.S Lê Thị Bích Ngọc	Khoa QTKD 1	Học viện Công nghệ BCVT 06-HV-2019-QTKD1	Tốt
23	Các giải pháp bảo đảm an toàn, bảo mật trong hoạt động thương mại điện tử tại Việt nam.	ThS. Trần Đoàn Hạnh	Khoa QTKD 1	Học viện Công nghệ BCVT 09-HV-2019-QTKD1	Tốt
24	Nghiên cứu triển khai dịch vụ hành chính công tại mạng điểm Bưu điện văn hóa xã đa dịch vụ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam.	Ths. Phạm Thị Minh Lan	Khoa QTKD 1	Học viện Công nghệ BCVT 07-HV-2019-QTKD1	Tốt
25	Phát triển năng lực giảng dạy cho giảng viên khối ngành kinh tế tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	TS. Trần Ngọc Minh	Khoa QTKD 1	Học viện Công nghệ BCVT 08-HV-2019-QTKD1	Tốt
26	Đánh giá chất lượng dịch vụ Internet cáp quang VNPT trên địa bàn TP Hồ Chí Minh từ phía khách hàng	TS. Trương Đức Nga	Khoa QTKD 2	Học viện Công nghệ BCVT 01-HV-2019-RD_QT2	Tốt
27	Ảnh hưởng của động lực giá trị thiết thực trong tra cứu thông tin trực tuyến đến dự định mua hàng – Nghiên cứu trường hợp thị trường tiêu dùng tại TP. Hồ Chí Minh	TS. Hoàng Lệ Chi	Khoa QTKD 2	Học viện Công nghệ BCVT 02-HV-2019-RD_QT2	Xuất sắc
28	Vai trò của tính vị chủng tiêu dùng đến uy tín thương hiệu Việt - Nghiên cứu đối với sản phẩm thời trang thương hiệu Việt	ThS. Lê Nguyễn Nam Trân	Khoa QTKD 2	Học viện Công nghệ BCVT 03-HV-2019-RD_QT2	Tốt
29	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ 4G của Mobifone khu vực TPHCM	ThS. Nguyễn Bảo Lâm	Khoa QTKD 2	Học viện Công nghệ BCVT 04-HV-2019-RD_QT2	Tốt
30	Ứng dụng tâm lý trong bán hàng tại một số doanh nghiệp trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh	ThS. Phạm Mỹ Hạnh	Khoa QTKD 2	Học viện Công nghệ BCVT 05-HV-2019-RD_QT2	Tốt
31	Các nhân tố tác động đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên tại TP. HCM - Sinh viên Khối ngành Kỹ thuật	TS. Hồ Thị Sáng	Khoa QTKD 2	Học viện Công nghệ BCVT 06-HV-2019-RD_QT2	Tốt
32	Đánh giá tính hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng Trách nhiệm Xã hội SA 8000 (Social Accountability 8000) tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	ThS. Đỗ Như Lực	Khoa QTKD 2	Học viện Công nghệ BCVT 07-HV-2019-RD_QT2	Tốt
33	Đánh giá các kênh truyền dẫn chính sách tiền tệ tại Việt Nam	ThS. Dương Nguyễn Uyên Minh	Khoa QTKD 2	Học viện Công nghệ BCVT 08-HV-2019-RD_QT2	Tốt
34	Đánh giá công tác quản lý chuỗi cung ứng tại các công ty sản	TS. Nguyễn Văn Phước	Khoa QTKD 2	Học viện Công nghệ BCVT 09-HV-2019-RD_QT2	Xuất sắc

Stt	Tên đề tài KHCN	Chủ trì đề tài	Đơn vị chủ trì đề tài	Cấp quyết định, mã số	Kết quả
	xuất tại khu vực Tp. Hồ Chí Minh				
35	Bẫy thu nhập trung bình tại Việt Nam: cảnh báo nguyên nhân và các giải pháp phòng tránh	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Khoa QTKD 2	Học viện Công nghệ BCVT 10-HV-2019-RD_QT2	Tốt
36	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT - Vietravel	ThS. Đỗ Duy Trọng	Khoa QTKD 2	Học viện Công nghệ BCVT 11-HV-2019-RD_QT2	Tốt
37	Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý thuế nhập khẩu tại Cục Hải Quan TP.HCM	ThS. Trần Thị Nhật Hà	Khoa QTKD 2	Học viện Công nghệ BCVT 12-HV-2019-RD_QT2	Tốt
38	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng online của giới trẻ tại Tp. Hồ Chí Minh	ThS. Nguyễn Thị Hải Uyên	Khoa QTKD 2	Học viện Công nghệ BCVT 13-HV-2019-RD_QT2	Tốt
39	Xây dựng cổng thực hành trực tuyến	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 009-2019-HV-CNTT1-PM	Tốt
40	Xây dựng hệ thống bài tập và dữ liệu kiểm thử phục vụ thực hành và tổ chức thi tự động môn Tin học cơ sở 2	ThS. Đặng Ngọc Hùng	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 010-2019-HV-CNTT1-PM	Tốt
41	Xây dựng hệ thống bài tập và dữ liệu kiểm thử phục vụ thực hành và tổ chức thi tự động môn Ngôn ngữ lập trình C++.	TS. Đỗ Thị Bích Ngọc	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 011-2019-HV-CNTT1-PM	Tốt
42	Xây dựng hệ thống bài tập và dữ liệu kiểm thử phục vụ thực hành và tổ chức thi tự động môn Cấu trúc dữ liệu và giải thuật.	TS. Nguyễn Duy Phương	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 012-2019-HV-CNTT1-PM	Tốt
43	Xây dựng hệ thống quản lý và hỗ trợ các công việc liên quan tới nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên học viện công nghệ bưu chính viễn thông.	ThS. Nguyễn Quỳnh Chi	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 013-2019-HV-CNTT1-PM	Tốt
44	Nghiên cứu và xây dựng ứng dụng phát hiện URL độc.	TS. Đỗ Xuân Chợ	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 014-2019-HV-CNTT1-PM	Tốt
45	Xây dựng hệ thống POS cho nhà bán lẻ trên mô hình cơ sở dữ liệu phân tán	TS. Phan Thị Hà	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 015-2019-HV-CNTT1-PM	Tốt
46	Xây dựng hệ thống tìm kiếm văn bản pháp quy tới mức điều, khoản	TS. Ngô Xuân Bách	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 016-2019-HV-CNTT1-PM	Tốt
47	Xây dựng hệ thống phân tích hành vi người dùng trên cổng thông tin điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	TS. Nguyễn Ngọc Điệp	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 017-2019-HV-CNTT1-PM	Tốt

Stt	Tên đề tài KHCN	Chủ trì đề tài	Đơn vị chủ trì đề tài	Cấp quyết định, mã số	Kết quả
48	Xây dựng hệ thống tư vấn tin bài dựa trên hành vi người dùng trên cổng thông tin điện tử	Ths. Nguyễn Hoàng Anh	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 018-2019-HV-CNTT1-PM	Tốt
49	Nghiên cứu nâng cao hiệu quả phương pháp tra cứu ảnh dựa vào nội dung sử dụng học sâu	ThS. Đào Thị Thúy Quỳnh	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 01-2019-HV-CNTT	Tốt
50	Nghiên cứu nhận diện đặc điểm tác giả văn bản tiếng Việt bằng phương pháp học sâu.	TS. Dương Trần Đức	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 02-2019-HV-CNTT	Tốt
51	Truy vấn tìm kiếm trong cơ sở dữ liệu quan hệ với thông tin không chính xác	ThS. Nguyễn Đình Hiến	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 03-2019-HV-CNTT	Khá
52	Xây dựng hệ thống trích xuất thực thể trong văn bản pháp quy	ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy (Lab HM&U'D)	Khoa CNTT1	Học viện Công nghệ BCVT 019-2019-HV-CNTT1-Lab	Tốt
53	Tiền xử lý kho ngữ liệu tiếng Việt để phân lớp và tóm tắt ý kiến dựa trên khía cạnh bằng phương pháp học sâu	ThS. Nguyễn Ngọc Duy	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 01-HV-2019-RD_TH2	Tốt
54	Nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật xử lý hậu kỳ video sử dụng trong đào tạo từ xa	ThS. Lưu Ngọc Điệp	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 02-HV-2019-RD_TH2	Tốt
55	Nghiên cứu và xây dựng ứng dụng luyện học Toán	ThS. Ninh Xuân Hải	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 04-HV-2019-RD_TH2	Tốt
56	Nghiên cứu xây dựng phần mềm trợ giúp chấm bài Lập trình C	ThS. Nguyễn Anh Hào	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 05-HV-2019-RD_TH2	Tốt
57	Nghiên cứu và ứng dụng quy trình xử lý hậu kỳ phim quảng cáo	ThS. Lê Minh Hóa	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 07-HV-2019-RD_TH2	Tốt
58	Nghiên cứu triển khai phần mềm QX simulator mô phỏng các mô hình và mã sửa lỗi (Error Correction) trong lượng tử	ThS. Trương Đình Huy	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 08-HV-2019-RD_TH2	Xuất sắc
59	Nghiên cứu và xây dựng ứng dụng công nghệ thực tế tăng cường	ThS. Nguyễn Văn Sáu	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 09-HV-2019-RD_TH2	Tốt
60	Phát triển hệ thống hỗ trợ quyết định quản lý thông số môi trường trong đô thị thông minh	ThS. Nguyễn Xuân Sâm	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 10-HV-2019-RD_TH2	Tốt
61	Ứng dụng kỹ thuật phân cụm phát hiện một số hành vi bất thường trên mạng máy tính	TS. Nguyễn Hồng Sơn	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 11-HV-2019-RD_TH2	Tốt
62	Nghiên cứu khía cạnh an toàn và bảo mật trên Blockchain	ThS. Huỳnh Thanh Tâm	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 12-HV-2019-RD_TH2	Tốt
63	Cơ sở dữ liệu và công nghệ sử dụng trong Big Data	ThS. Lưu Nguyễn Kỳ Thư	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 13-HV-2019-RD_TH2	Tốt
64	Nghiên cứu ứng dụng Ethereum phục vụ xác minh chứng chỉ số	TS. Huỳnh Trọng Thừa	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 15-HV-2019-RD_TH2	Tốt

Stt	Tên đề tài KHCN	Chủ trì đề tài	Đơn vị chủ trì đề tài	Cấp quyết định, mã số	Kết quả
65	Giải lập thiết kế dự án phòng học xanh bằng phần mềm Corel Draw X8	ThS. Huỳnh Thị Tuyết Trinh	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 16-HV-2019-RD_TH2	Tốt
66	Một phương pháp xây dựng dữ liệu cho hệ thống học sâu trong chẩn đoán bệnh ở trẻ em	ThS. Huỳnh Trung Trụ	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 17-HV-2019-RD_TH2	Tốt
67	Xây dựng hệ thống quản lý và tìm kiếm văn bản với dữ liệu lớn	TS. Tân Hạnh	Khoa CNTT2	Học viện Công nghệ BCVT 18-HV-2019-RD_TH2	Tốt

Nội dung các đề tài NCKH, dự án, nhiệm vụ KHCN phải đạt điều kiện là bám sát với định hướng phát triển KHCN của Học viện, phù hợp với mục tiêu trung hạn và gắn với sứ mạng xây dựng Học viện thành một trung tâm mạnh hàng đầu Việt Nam và tương đương khu vực về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (NCKH&CGCN), từng bước làm chủ các công nghệ tiên tiến mang bản sắc riêng Việt Nam, đảm bảo giải quyết các vấn đề KHCN trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử, truyền thông, khoa học kinh tế, quản trị kinh doanh và một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản.

2.3.2 Các công trình nghiên cứu đã công bố

Trong công tác nghiên cứu và xuất bản các tạp chí khoa học, phần lớn các bài báo của Học viện thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Học viện. Một số đề tài chuyên ngành Viễn thông và CNTT cấp Nhà nước, cấp Bộ (đề tài Nafosted) và đề tài cấp Học viện đã công bố được nhiều bài báo trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế. Chất lượng các bài báo được nâng cao thông qua việc số lượng bài báo quốc tế thuộc hệ thống tạp chí ISI, Scopus đã tăng lên hàng năm.

STT	Năm	Tổng số bài báo	Bài báo quốc tế	Bài báo thuộc tạp chí ISI	Bài báo Q1
1	2015	183	83	17	5
2	2016	239	89	18	5
3	2017	240	91	20	4
4	2018	282	134	29	9
5	2019	316	174	65	16

Bảng 1. Tổng hợp số liệu bài báo khoa học đã công bố trong 05 năm gần đây

STT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
1.	Resilience and fault tolerance	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	In: Jesus, Carretero; Emmanuel, Jeannot; Albert, Y. Zomaya (eds.) Ultrascale Computing Systems London, United Kingdom / England: Institution of Engineering and

STT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
			Technology (IET), (2019) pp. 65-83, 19 p.
2.	Fintech – blockchain lehetőségei és veszélyei	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả).	Kerekasztal-beszélgetés, INFOTÉR Konferencia, Balatonfüred, 2018. október 9., Country: Hungary
3.	Kriptopénz ABC	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	Budapest, Hungary: HVG Kiadó Zrt. (2019) , 279 p. ISBN: 9789633047132 BCE katalógus.
4.	Artificial Intelligence in insurance services	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	Konferencia előadás, BCE Gazdálkodástudományi Kar, Kutatási Hét, Budapest, 2018. június 4.
5.	Technology foresight with applications to quantum computing	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	Konferencia előadás, BCE Gazdálkodástudományi Kar, Kutatási Hét, Budapest, 2018. június 4.
6.	Resilience and Fault Tolerance in Ultrascale Computing Systems	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	Conference presentation, NESUS COST Action, Final workshop, Madrid, Spain, March 2018.
7.	Blockchain	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	Előadás, Blockchain a technológiától az üzletig" című szakmai workshop. Budapest, 2018. december 4., Country: Hungary.
8.	Secure operation and resilience of ultrascale systems	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	In: Leonel, Sousa; Peter, Kropf; Pierre, Kuonen; Radu, Prodan; Tuan, Anh Trinh; Jesus, Carretero (eds.) A Roadmap for Research in Sustainable Ultrascale Systems Bruxelles, Brüsszel, Belgium: COST, (2018) pp. 45-48, 4 p.
9.	Green Data Centers	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	In: Jean-Marc, Pierson (eds.) Large-scale Distributed Systems and Energy Efficiency: A Holistic View New York, United States of America: John Wiley and Sons, Inc., (2015) pp. 159-195, 36 p.
10.	Investigation of Quality of Experience for 3D Video in Wireless Network Environment	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	In: Szabó, Róbert; Vidács, Attila (eds.) Information and Communication Technologies : 18th EUNICE/IFIP WG 6.2, 6.6 International Conference, EUNICE 2012 Berlin, Germany, Heidelberg, Germany: Springer, (2012) pp. 340-349, 10 p.
11.	Editorial	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	TELECOMMUNICATION SYSTEMS 53: 2 pp. 583-585, 3 p. (2013)
12.	Investigation of Quality of Experience for 3D Streams in Gigabit Passive Optical Network	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	LECTURE NOTES IN COMPUTER SCIENCE 6955 pp. 157-168. , 12 p. (2011)
13.	3D-s videófolymok vizsgálata GPON alapú hálózaton	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	HIRADÁSTECHNIKA: HÍRKÖZLÉS-INFORMATIKA LXVI: 3 pp. 23-30. , 8 p. (2011)

STT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
14.	Power footprint of internet services	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	In: Henning, Schulzrinne; Kerry, Hinto; Rod, Tucker (eds.) Proceedings of the 2nd International Conference on Energy-Efficient Computing and Networking New York, United States of America: ACM, (2011) pp. 59-62, 4 p.
15.	Energy Efficiency of Data Centers	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	In: Jae, H Kim; Myung, J Lee (eds.) Green IT: Technologies and Applications Berlin, Germany, Heidelberg, Germany: Springer, (2011) pp. 229- 244. , 16 p.
16.	Modeling resource usage in planetary-scale shared infrastructures: PlanetLab's case study	Trịnh Anh Tuấn (Đồng tác giả)	COMPUTER NETWORKS 55: 15 pp. 3394-3407, 14 p. (2011)
17.	Duy trì và phát triển văn hóa VNPT nhằm phát triển bền vững và hội nhập quốc tế	Bùi Xuân Phong	Proceedings International Conference on Emerging Challenges Innovation Managemen for SMES (ICECH 2014), 529-534 tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2014
18.	Lòng trung thành của khách hàng đối với mạng điện thoại di động Mobifone tại Hà Nội	Bùi Xuân Phong	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, số 475, 2016
19.	Sự hài lòng của khách hàng sử dụng mạng điện thoại di động Vinaphone	Bùi Xuân Phong (đồng tác giả)	Tạp chí Kinh tế và Dự báo. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 24-26, số chuyên đề, 2015
20.	Khung năng lực nhân sự quản trị doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	Bùi Xuân Phong (đồng tác giả)	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương 7-9, số 452, 2015
21.	Vấn đề quản trị trong quá trình tái cấu trúc Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	Bùi Xuân Phong	Tạp chí Khoa học, Viện Đại học mở Hà Nội, số 34 (2017)
22.	Tái cấu trúc thành công ngành đường sắt: Giải pháp quan trọng để phát triển ngành đường sắt	Bùi Xuân Phong	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, số 526 (2018)
23.	Kế toán quản trị chi phí tại Tổng công ty đường sắt Việt Nam và một số đề xuất	Bùi Xuân Phong	Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, số 11(182) (2018)
24.	Thu hút khu vực tư nhân tham gia đầu tư cho ĐSTĐC theo hình thức đối tác công tư ở Việt Nam.	Bùi Xuân Phong	Tạp chí Khoa học, Viện Đại học mở Hà Nội, số 53 (2019)
25.	Nhân tố ảnh hưởng đến thu hút khu vực tư nhân tham gia đầu tư ĐSTĐC theo hình thức đối tác công tư	Bùi Xuân Phong	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, số 533 (2019)
26.	Identifying intentions in forum posts with cross-domain data	Từ Minh Phương	Journal of Heuristics
27.	Graph-based context aware collaborative filtering	Từ Minh Phương	Expert systems with applications 129: 9-19

STT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
28.	An empirical study on POS tagging for Vietnamese social media text	Từ Minh Phương	Computer Speech & Language 50: 1-15
29.	Combining User-Based and Session-Based Recommendations with Recurrent Neural Networks.	Từ Minh Phương	Proceedings of ICONIP 2018. (25th Int. conf. on Neural Information Processing)
30.	Speeding Up Convolutional Object Detection for Traffic Surveillance Videos	Từ Minh Phương	Proceedings of KSE 2018
31.	Cross-Language Aspect Extraction for Opinion Mining	Từ Minh Phương	Proceedings of KSE 2018
32.	An Entailment-based Scoring Method for Content Selection in Document Summarization	Từ Minh Phương	Proceedings of SolCT 2018
33.	3D Convolutional Networks for Session-based Recommendation with Content Features	Từ Minh Phương	Proceedings of RecSys 2017 (11th ACM conf. on Recommender Systems)
34.	Question analysis for Vietnamese legal question answering	Từ Minh Phương	Proceedings of KSE 2017
35.	e-Shoes: Smart shoes for unobtrusive human activity recognition	Từ Minh Phương	Proceedings of KSE 2017
36.	Cross-Domain Intention Detection in Discussion Forums	Từ Minh Phương	Proceedings of SolCT 2017
37.	Personalized recommendation of stories for commenting in forum-based social media	Từ Minh Phương	Information Sciences 352-353: 48-60
38.	Đề xuất mô hình chữ ký số tập thể đa thành phần tổng quát và kết hợp với một số mô hình khác	Đặng Minh Tuấn	Hội nghị Quốc gia lần thứ XX về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin, 2017
39.	Đề xuất lược đồ chữ ký số tập thể ủy nhiệm một thành viên ký dựa trên hệ mật đường cong elliptic	Đặng Minh Tuấn	Hội thảo quốc gia lần thứ XX: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin và truyền thông, 2017
40.	Xây dựng một lược đồ chữ ký số tập thể dựa trên hệ mật id-based	Đặng Minh Tuấn	Tạp chí Nghiên cứu KH&CN Quân sự, 2017
41.	A new multi-proxy multi-signature scheme based on elliptic curve cryptography	Đặng Minh Tuấn	Conference on Information and Computer Science (NICS) 2017
42.	Đề xuất chữ ký số ủy nhiệm và ứng dụng cho ủy nhiệm chi trong hệ thống bitcoin	Đặng Minh Tuấn	Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ X – Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT (FAIR'10), 2017
43.	Flexible Proof-of-Work	Đặng Minh Tuấn	Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ X – Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT(FAIR'10), 2017
44.	Đề xuất lược đồ chữ ký số tập thể dựa trên hệ mật Id-based	Đặng Minh Tuấn	Hội thảo Khoa học và Giáo dục, 2017
45.	MSMS: A Multi-section Multi-signature Model with Distinguished Signing Responsibilities	Đặng Minh Tuấn	International Conference on Machine Learning and Soft Computing, 2017
46.	Đề xuất chữ ký số mù tập thể đa thành phần dựa trên hệ mật đường cong elliptic	Đặng Minh Tuấn	Kỷ yếu Hội thảo toàn quốc về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ thông tin, 2016
47.	Đề xuất chữ ký số tập thể ủy nhiệm đa thành phần dựa trên hệ mật định danh	Đặng Minh Tuấn	Kỷ yếu Hội thảo toàn quốc về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ thông tin, 2016

STT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
48.	Đề xuất mô hình chữ ký số tập thể đa thành phần tổng quát và kết hợp với một số mô hình khác	Đặng Minh Tuấn	Tạp chí Nghiên cứu KH&CN Quân sự, 2016
49.	Chế tạo thiết bị VPN IPsec bằng phần cứng đầu tiên ở Việt Nam	Đặng Minh Tuấn	Tạp chí CNTT & TT, 2014
50.	<i>An Agent-based Model for Simulation of Traffic Network Status: Applying for Hanoi City</i>	Nguyễn Mạnh Hùng	<i>SIMULATION: Transactions of The Society for Modeling and Simulation International</i> . V.92, N.11, p.999-1012 (SCIE)
51.	Combination of Cognitive and Quantitative Aspects to Estimate the Degree of Emotions	Nguyễn Mạnh Hùng	Journal of Computer Science and Cybernetics, V.32, N.3, p.209-224
52.	Combination of formal logic and hedge algebra to estimate the degree of trust	Nguyễn Mạnh Hùng	Journal of Computer Science and Cybernetics, V.31, N.3, p.203-213
53.	A trust model for new member in multiagent system	Nguyễn Mạnh Hùng	Vietnam Journal of Computer Science, 2(3), p.181-190
54.	Integration of Smoke Effect and Blind Evacuation Strategy (SEBES) within Fire Evacuation Simulation.	Nguyễn Mạnh Hùng	Simulation Modelling Practice and Theory. V.36, p.44-59 (SCIE)
55.	<i>A Combination Trust Model for Multi-agent Systems</i>	Nguyễn Mạnh Hùng	<i>International Journal of Innovative Computing, Information and Control (IJICIC)</i> , Vol.9, No.6, p.2405-2421 (Scopus)
56.	A Computational Trust Model with Trustworthiness against Liars in Multiagent Systems	Nguyễn Mạnh Hùng	Proceedings of The 4th International Conference on Computational Collective Intelligence Technologies and Applications (ICCCI), Part I, LNAI 7653, pp. 446–455
57.	A Simulation Model for Optimise the Fire Evacuation Configuration in the Metro supermarket of Hanoi.	Nguyễn Mạnh Hùng	Proceedings of the Ninth International Conference on Simulated Evolution And Learning (SEAL2012), LNCS 7673, pp. 470–479
58.	Relation of Trust and Social Emotions: A Logical Approach.	Nguyễn Mạnh Hùng	IEEE/WIC/ACM International Conference on Intelligent Agent Technology (IAT 2009), Milano, Italy, p.289-292
59.	A Logical Framework for Trust-Related Emotions	Nguyễn Mạnh Hùng	<i>Electronic Communications of the EASST</i> , V. 22. (Scopus)
60.	The Internet-of-Things based Human Gesture Recognition for Human Machine Interaction	Phạm văn Cường (đồng tác giả)	IEEE MAPR, 2019
61.	Recognizing Hand Gestures for Controlling Home Appliances	Phạm văn Cường (đồng tác giả)	IEEE KSE, 2019
62.	e-Breath: The Internet-of-Things based Breath Detection Using Frequency Cepstral Feature Fusion	Phạm văn Cường (đồng tác giả)	IEEE MAPR, 2019
63.	Vietnamese Speaker Authentication Using Deep Models	Phạm văn Cường (đồng tác giả)	ACM SoICT, 2018
64.	A Multi-modal Multi-view Dataset for Human Fall Analysis and	Phạm văn Cường (đồng tác giả)	IEEE ICPR, 2018

STT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
	Preliminary Investigation on Modality		
65.	Delay-limited Protograph Low Density Parity Codes for Space-Time Block Codes	Phạm văn Cường (đồng tác giả)	IEEE PIMRC, 2018
66.	The Internet-of-Things based Fall Detection Using Fusion Feature	Phạm văn Cường (đồng tác giả)	IEEE KSE, 2018
67.	Deep Learning for Human Visual Attention Recognition Using Transfer Learning	Phạm văn Cường (đồng tác giả)	IEEE ATC , 2018
68.	e-Shoes: Smart Shoes for Unobtrusive Human Activity Recognition	Phạm văn Cường	IEEE KSE, 2017
69.	Motion Primitive Forests for Human Activity Recognition Using Wearable Sensors	Phạm văn Cường (đồng tác giả)	PRICAI , 2016
70.	An Orientation Histogram-based Approach to Fall Detection Using Wearable Sensors	Phạm văn Cường (đồng tác giả)	PRICAI , 2016
71.	Detecting Website Defacements Based on Machine Learning Techniques and Attack Signatures	Hoàng Xuân Dậu	Journal of Computers, 2019
72.	Botnet Detection Based On Machine Learning Techniques Using DNS Query Data	Hoàng Xuân Dậu	Journal of Future Internet, 2018
73.	A Review on Hot-IP Finding Methods and Its Application in Early DDoS Target Detection	Hoàng Xuân Dậu	Journal of Future Internet, 2016
74.	Khảo sát các nền tảng và kỹ thuật xử lý log truy cập dịch vụ mạng cho phát hiện nguy cơ mất ATTT	Hoàng Xuân Dậu (đồng tác giả)	Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Đà Lạt, 2018
75.	Xây dựng mô hình dự báo dịch tả ngắn hạn và đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu và địa lý	Hoàng Xuân Dậu (đồng tác giả)	Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng, 2017
76.	Phát hiện trạng thái di chuyển bằng xe máy dựa trên smartphones	Hoàng Xuân Dậu	Chuyên san CNTT và Truyền thông – Học viện Kỹ thuật quân sự, 2016
77.	Ứng dụng GIS trong dự báo dịch Tả	Hoàng Xuân Dậu (đồng tác giả)	Tạp chí Khoa học CNTT và truyền thông, Học viện Công nghệ BC-VT, 2016
78.	Kỹ thuật học máy phân lớp với dự báo dịch tả	Hoàng Xuân Dậu (đồng tác giả)	Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng, 2016
79.	A Multi-layer Model for Website Defacement Detection	Hoàng Xuân Dậu	Hội thảo SolCT 2019, Hà Nội – Hạ Long, Việt Nam, 2019
80.	A Website Defacement Detection Method Based on Machine Learning Techniques	Hoàng Xuân Dậu	Hội thảo SolCT 2018, Đà Nẵng, Việt Nam, 2018
81.	Cholera forecast based on mining association rules	Hoàng Xuân Dậu (đồng tác giả)	ComManTel 2015, 2015
82.	Input -Output Structure and Sources of Output Growth of Vietnamese Banking and Finance Sector in 2007-2016	Đặng Thị Việt Đức	Journal of Trade Science, 8(1), pp. 30-41., 2020

STT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
83.	Cấu trúc cung cầu và các yếu tố ảnh hưởng tới gia tăng sản lượng ngành tài chính ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2007-2016	Đặng Thị Việt Đức	Tạp chí Khoa học Thương Mại, số 37-38, tr.28-39, 2020
84.	Tác động của Công nghệ thông tin và truyền thông đến kinh tế Việt Nam	Đặng Thị Việt Đức	Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển, 128(5D), tr. 5-19, 2019
85.	Tiền di động và triển vọng phát triển đối với Việt Nam	Đặng Thị Việt Đức	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính, số 9 (194) 2019. tr. 44-49, 2019
86.	Contribution of ICT to the Vietnamese Economy: An Input-Output Analysis	Đặng Thị Việt Đức (đồng tác giả)	VNU Journal of Science: Economics and Business, Vol. 34, No. 5E (2018) 1-17, 2018
87.	Nguồn tài chính cho các doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam	Đặng Thị Việt Đức	Tạp chí Tài chính, Kỳ 1, tháng 3/2018 (676), tr. 53-56., 2018
88.	Đánh giá môi trường đầu tư PPP tại Việt Nam	Đặng Thị Việt Đức	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 29 tháng 10/2018 (675), tr. 20-23, 2018
89.	The Concentration and Competition of Vietnam Mobile Telecommunications Market Through HHI and Elasticity of Demand	Đặng Thị Việt Đức (đồng tác giả)	VNU Journal of Science: Policy and Management Studies, Vol. 33, No. 2 (2017), pp. 1-9, 2017
90.	Cost control in the United States Postal Service - The Institutional effects and Implications	Đặng Thị Việt Đức (đồng tác giả)	VNU Journal of Science: Policy and Management Studies, Vol. 33, No. 2 (2017), pp. 1-9., 2017
91.	Quản lý giá cước bán lẻ dịch vụ viễn thông Việt Nam	Đặng Thị Việt Đức	Tạp chí Kinh tế và dự báo, Số 10 tháng 04/2017 (650), tr. 27-31.
92.	Xếp hạng tín dụng khách hàng thẻ nhân tại trung tâm thông tin dụng quốc gia Việt Nam	Đặng Thị Việt Đức	Tạp chí Tài chính, Kỳ 1, tháng 12/2016 (646), tr.42-47, 2016
93.	Vấn đề quản lý dịch vụ OTT tại Việt Nam	Đặng Thị Việt Đức	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 24 tháng 10/2016 (632), tr. 10-13, 2016
94.	Quản lý cước kết cuối cuộc gọi: Lý luận, thực tiễn và các đề xuất cho Việt Nam	Đặng Thị Việt Đức	Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, Số tháng 9/2016, tr. 68-80, 2016
95.	Hợp nhất năng lực doanh nghiệp hậu M&A	Đặng Thị Việt Đức	Tạp chí Tài chính, Số 12/2015, tr. 63-66, 2015
96.	Những bài học sáp nhập từ trường hợp của Cisco	Đặng Thị Việt Đức	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, số 10, 2015.
97.	Tuỷ chính trong kế toán và chất lượng báo cáo tài chính doanh nghiệp	Đặng Thị Việt Đức	Tạp chí Khoa học Thương Mại, 8/2015, tr. 50-55, 2015
98.	Tính linh hoạt tài chính của doanh nghiệp	Đặng Thị Việt Đức	Tạp chí Tài chính, Số 6/2015, tr. 17-20, 2015
99.	The role of coordinators in value co-creation process in Software Offshoring: A Knowledge Management Perspective	Đặng Thị Việt Đức (đồng tác giả)	International Journal of Knowledge and Systems Science, 5(2), pp. 1-18., 2014

STT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
100.	Các nhân tố tác động đến hiệu quả sử dụng vốn tại các công ty thương mại niêm yết tại Việt Nam	Vũ Quang Kết	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 33, tháng 11/2019
101.	Phát triển nguồn nhân lực ngành Công nghệ thông tin Việt Nam trong bối cảnh cuộc CMCN4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế	Vũ Quang Kết	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 17, tháng 16/2019
102.	Năng lực cạnh tranh xuất khẩu của ngành Công nghiệp phần mềm Việt Nam qua phân tích SWOT	Vũ Quang Kết	Tạp chí Kinh Tế Châu Á Thái Bình Dương, số 511, tháng 2/2018.
103.	Nâng cao năng lực cạnh tranh Xuất khẩu của ngành Công nghiệp phần mềm Việt Nam	Vũ Quang Kết	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 32, tháng 12/2017
104.	Các nhân tố tác động đến năng lực cạnh tranh xuất khẩu của ngành công nghiệp phần mềm Việt Nam	Vũ Quang Kết	Tạp chí Kinh tế và Dự Báo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Số 30 Tháng 10 năm 2017.
105.	Vai Trò của Ấn Kiều trong phát triển ngành Công nghiệp Phần mềm Ấn độ và hàm ý chính sách cho Việt Nam	Vũ Quang Kết	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Kỳ chuyên đề tháng 11-2016
106.	Kinh nghiệm Quốc tế nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp phần mềm và hàm ý chính sách cho Việt Nam	Vũ Quang Kết	Tạp chí Những vấn đề Kinh tế & Chính trị Thế giới Số tháng 9- 2016
107.	Nghiên cứu tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh xuất khẩu của ngành công nghiệp phần mềm Việt Nam	Vũ Quang Kết	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Kỳ chuyên đề tháng 9-2016
108.	Công nghiệp nội dung số Việt Nam: Thực trạng, triển vọng và những vấn đề đặt ra	Vũ Quang Kết	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Kỳ chuyên đề tháng 5-2015
109.	Công nghiệp Công nghệ thông tin Việt Nam trong những năm gần đây: Thực trạng và những vấn đề đặt ra	Vũ Quang Kết	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương Số tháng 9-2014
110.	Phân tích tài chính ngân hàng thương mại hậu M&A- Một số vấn đề về lý thuyết	Nguyễn Thị Vân Anh (Đồng tác giả)	Kinh tế và dự báo, Bộ kế hoạch và đầu tư, 2019
111.	Thực trạng tình hình tài chính của ngân hàng SHB hậu M&A và một số kiến nghị	Nguyễn Thị Vân Anh (Đồng tác giả)	Kinh tế và dự báo, Bộ kế hoạch và đầu tư, 2019
112.	Nghiên cứu tiền điện tử: Khái niệm và các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng ứng dụng của tiền điện tử	Nguyễn Thị Vân Anh	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, 2018
113.	Đẩy mạnh triển khai Basel II nhằm tăng cường công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng thương mại	Nguyễn Thị Vân Anh	Thông tin và dự báo Kinh tế xã hội, 2017
114.	Ranh giới hệ thống - Chi phí môi trường thông qua Báo cáo tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Thị Vân Anh (Đồng tác giả)	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, 2017
115.	Nghiên cứu các nhân tố năng lực quản trị rủi ro tín dụng theo thông lệ quốc tế tại ngân hàng thương mại Việt Nam	Nguyễn Thị Vân Anh	Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, 2016

STT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
116.	An toàn cho hệ thống ngân hàng thông qua áp dụng Basel II	Nguyễn Thị Vân Anh	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 2015
117.	Hạn chế rủi ro cho hệ thống ngân hàng thông qua áp dụng Basel 2 – Nhìn từ kinh nghiệm quốc tế	Nguyễn Thị Vân Anh	Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, 2014
118.	Factors affecting ODA Project performance: The case of Urban Railway Project in Vietnam	Trần Đình Nam (Đồng tác giả)	International Journal of Economics and Finance (Canada), 2016
119.	Vấn đề tiến độ trong các dự án đường sắt tại Việt Nam	Trần Đình Nam	Tạp chí Kinh tế và dự báo, tháng 4/2016
120.	Một số giải pháp quản lý vốn ODA	Trần Đình Nam	Tạp chí Thị trường tiền tệ, tháng 4/2016
121.	M&A trong lĩnh vực ngân hàng- Lý luận và thực tiễn, kinh nghiệm thế giới và liên hệ với Việt Nam	Trần Đình Nam	Kỷ yếu hội thảo khoa học: Hoạt động Mua bán và sáp nhập(M&A) ngân hàng tại Việt Nam- Thực trạng và giải pháp do Agribank tổ chức, 11-2019
122.	Sử dụng phương pháp Delphi xây dựng mô hình nghiên cứu các yếu tố tác động đến hiệu quả sử dụng vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tại Việt Nam	Trần Đình Nam (Đồng tác giả)	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: kinh nghiệm của Việt Nam trong thời kì hội nhập, cơ hội và thách thức tại Huế, 4-2016
123.	Điều hành thành công chính sách tiền tệ trong sự phối hợp đồng bộ giữa tỷ lệ dự trữ bắt buộc và các công cụ khác	Trần Đình Nam	Kỷ yếu hội thảo khoa học nâng cao hiệu quả sử dụng công cụ tỷ lệ dự trữ bắt buộc và các công cụ khác tại ĐH Ngân hàng TP HCM, 2016
124.	Ảnh hưởng của cấu trúc vốn tới hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp trong ngành dệt may	Trần Đình Nam	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Cùng doanh nghiệp vượt qua thách thức, quản lý hiệu quả mở cửa thành công ICECH tổ chức tại Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, 2015
125.	A comprehensive analysis of warranty claims and optimal policies	Luo, M., & Wu, S.	<i>European Journal of Operational Research</i> , 276(1),144-159, 2019
126.	A value-at-risk approach to optimization of warranty policy	Luo, M., & Wu, S.	<i>European Journal of Operational Research</i> , 267(2), 513-522, 2018
127.	A mean-variance optimization approach to collectively pricing warranty policies	Luo, M., & Wu, S.	<i>International Journal of Production Economics</i> , 196, 101-112, 2018
128.	An overview of approaches to insurance data analysis and suggestions for warranty data analysis	Luo, M., & Wu, S.	Recent Patents on Engineering, 10(2), 138-145., 2016
129.	Real-time processing within a programmatic marketing environment	Jabbar, A.	<i>Journal of Industrial Marketing Management</i> , 2019
130.	The Impact of Managerialism on Teaching International Students'	Jabbar, A., Analoui, B.	<i>Journal of International Business Education</i> , 2019
131.	Academics' perspectives of international students in UK higher education'	Abdul Jabbar, Wilma Teviotdale, Mohammed Mirza & Walter Mswaka	<i>Journal of Further and Higher Education</i> , DOI: 10.1080/0309877X.2018.1541974 , 2018

STT	Tên công trình	Tác giả	Nguồn công bố
132.	Consumerisation in UK Higher Education Business Schools: Higher fees, greater stress and debatable outcomes' Higher Education	Jabbar, A., Analoui, B., Kong, K. and Mirza, M	<i>Higher Education</i> ISSN 0018-1560, 2018
133.	Managing diversity: Academic's perspective on culture and teaching'	Jabbar, A. and Mirza, M.	Race Ethnicity and Education. ISSN: 1361-3324, 2017
134.	Social Mobile Devices as Tools for Qualitative Research in Education: iPhones and iPads in Ethnography, Interviewing, and Design-Based Research	Beddall-Hill, N., Jabbar, A. and Al Shehri, S.	<i>Journal of the Research Center for Educational Technology</i> , 7 (1), pp. 67-90. ISSN 1948-075x, 2011
135.	Use of Emerging Mobile Technologies in Portfolio Developmen	Ahmed, E., Ward, R., White, S. and Jabbar, A.	<i>MOBILITY 2011: The First International Conference on Mobile Services, Resources, and Users.</i> Barcelona, Spain: IARIA. pp. 81-85. ISBN 978-1-61208-164-9
136.	Computational cost within supply chain transactions, POMS, Brighton,	Jabbar. A, S. Dani	Conference POMS, Brighton, 2019
137.	Blockchain and the Digital Supply Chain- A critical review	S. Dani, A Jabbar and A. Ghadge	EurOMA Conference, Helsinki, 2019.
138.	Factors influencing Customer trust in Online Banking	Gebreen, A., Jabbar, A	<i>Huddersfield Business School Research Conference</i> , 9-11 th Jan 2019, The University of Huddersfield, Huddersfield, UK
139.	The rise of the machine: Twilight of the autonomous academic'	Jabbar, A., Analoui, B., Mirza, M. and Kong, K	<i>The 24th Nordic Academy of Management Conference</i> , 23 -25 August 2017, Nord University Business School, Bodo, Norway
140.	'Marketisation Vs Marginalisation: The tension between institutions and academics.'	Jabbar, A., Kong, K. and Mirza, M.	<i>CABS: Learning, Teaching & Student Experience 2016</i> , 26-27 th April 2016, Aston University

Bảng 2. Tổng hợp danh mục các công trình nghiên cứu đã công bố của giảng viên tham gia chủ trì chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính

Đối với vấn đề đăng ký sở hữu trí tuệ các sản phẩm nghiên cứu, Học viện đã có 3 sản phẩm KH-CN đã được các cơ quan quản lý về sở hữu trí tuệ ở trong và ngoài nước cấp Chứng nhận Bản quyền, cụ thể là sản phẩm “Phương pháp và thiết bị chia sẻ nguồn tài nguyên” được Cơ quan University of Ulsan Foundation for Industry Cooperation Hàn Quốc cấp bằng sáng chế năm 2012, sản phẩm “Hệ thống và giải pháp điều khiển công suất phân tán cho các hệ thống thông tin” được Cơ quan Bằng sáng chế và Bản quyền Thương hiệu Mỹ cấp năm 2013, 2014 và sản phẩm “Phần mềm hệ thống đo kiểm, đánh giá chất lượng dịch vụ viễn thông TMNS” được Cục Bản quyền tác giả cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả năm 2016.

Bên cạnh nhiệm vụ cấp nhà nước nói trên trong lĩnh vực đào tạo, Học viện cũng đã xây dựng được hình ảnh và uy tín trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học đối với lĩnh vực

nghiên cứu công nghệ thông tin. Hàng năm, Học viện có từ 100-150 các đề tài nghiên cứu khoa học được thực hiện và nhiều bài báo khoa học được trình bày tại các Hội thảo quốc gia/quốc tế và đăng trên các tạp chí quốc gia/quốc tế uy tín liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin. Học viện cũng thường xuyên đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp Nhà nước. Một số lĩnh vực nghiên cứu điển hình của Học viện đã được Nhà nước, Bộ Khoa học & Công nghệ, Bộ Thông tin & Truyền thông đánh giá cao như:

- Nghiên cứu, phát triển hệ thống phân tích vết truy cập dịch vụ cho phép phát hiện, cảnh báo hành vi bất thường và nguy cơ mất an toàn thông tin trong Chính phủ điện tử;
- Nghiên cứu xây dựng hệ thống công nghệ thông tin thử nghiệm thu thập dữ liệu và phân tích một số chỉ số hiệu năng thực hiện (KPI) của đô thị thông minh phù hợp với điều kiện của Việt nam nhằm phục vụ cho hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước;
- Nghiên cứu, xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá cấp độ an toàn, cảnh báo nguy cơ mất an toàn thông tin mạng cho các trang thông tin/cổng thông tin điện tử;
- Phát triển, ứng dụng hệ thống xác thực bảo mật đa vai trò sử dụng vân tay trong lĩnh vực an ninh, ngân hàng;
- Nghiên cứu phát triển nền tảng triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho công nghệ thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;
- Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống tự động trợ giúp theo dõi hô hấp và vận động bất thường dựa trên nền tảng Internet vạn vật (IoT-Internet of thing);
- Phát triển, ứng dụng hệ thống xác thực bảo mật đa vai trò sử dụng vân tay trong lĩnh vực an ninh, ngân hàng;
- Nghiên cứu, thiết kế và xây dựng hệ thống truyền thông radio số đồng nhất 03 cấp phục vụ đổi mới công nghệ thông tin, truyền thông tại tỉnh Đắk Lắk và khu vực Tây Nguyên;
- Nghiên cứu xây dựng hệ thống phân tích, dự báo và cung cấp thông tin thời gian thực về khí hậu, sản xuất, canh tác nông nghiệp;
- Nghiên cứu về nền kinh tế số (digital economy) và đề xuất đối với lĩnh vực thông tin và truyền thông;
- Nghiên cứu đánh giá tác động của ngành ICT tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2018 và dự báo tới 2025.

2.4 HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động hợp tác quốc tế, ngay từ khi thành lập Học viện đã quan tâm và chỉ đạo tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu. Trong những năm vừa qua, hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện có chuyển biến mạnh mẽ, sâu rộng cả về chất và lượng. Học viện coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu để nâng cao trình độ ngoại ngữ và chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, nghiên cứu viên, giảng viên, sinh viên Học viện, đồng thời cập nhật đổi mới chương trình

đào tạo để tiến kịp với các chương trình đào tạo tiên tiến, ứng dụng phương pháp đào tạo và công nghệ ICT trong đào tạo; góp phần cải thiện đáng kể hệ thống cơ sở vật chất của Học viện.

Đến nay, Học viện đã có quan hệ hợp tác với hơn 20 cơ sở nghiên cứu, trường đại học và các doanh nghiệp thuộc 10 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới và triển khai thành công các chương trình, dự án, hội nghị, hội thảo quốc tế. Cụ thể, trong hoạt động đào tạo, Học viện đã ký kết và triển khai các chương trình liên kết quốc tế ở bậc đại học và sau đại học với các trường đại học uy tín trong khu vực và quốc tế như: chương trình hợp tác giữa Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và Đại học La Trobe (Australia); chương trình trao đổi học viên cao học giữa Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và Đại học Aizu (Nhật Bản); chương trình trao đổi sinh viên với trường đại học công nghệ Auckland (New Zealand); chương trình trao đổi sinh viên với trường Đại học Middlesex (Vương quốc Anh); tuyển sinh chương trình đào tạo Thạc sĩ Công nghệ thông tin theo phương thức phối hợp (Đề án 599) giữa Học viện và trường Đại học Công nghệ Sydney (Australia); chương trình đào tạo liên kết quốc tế bậc đại học (hình thức 2+2) với Trường đại học Jeonju (Hàn Quốc); chương trình trao đổi sinh viên và thực tập sinh với Đại Học Clermont Ferrand II (Pháp)...

Cùng với việc phát triển các chương trình hợp tác liên kết đào tạo mang tính truyền thống, Học viện đã tích cực tham gia các dự án quốc tế do Cộng đồng châu Âu tài trợ nhằm tranh thủ các nguồn viện trợ từ nước ngoài như dự án Nâng cao năng lực tiếp cận thị trường lao động cho sinh viên Việt Nam (dự án MOTIVE, dự án VOYAGE) và dự án Nâng cao năng lực HTQT của các trường ĐH khu vực ASEAN (dự án MARCO POLO). Ngoài ra, Học viện cũng mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam dưới hình thức các chương trình, dự án tài trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và cấp học bổng cho sinh viên Học viện như dự án Samsung, gPBL, Motorola, CDAC, ASEAN-IVO...

Trong hoạt động nghiên cứu khoa học, Học viện có đội ngũ nhà khoa học và cán bộ làm hợp tác quốc tế có chuyên môn và kinh nghiệm trong việc tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế, được đối tác đánh giá cao và tin tưởng lựa chọn đồng chủ trì tổ chức một số hội nghị khoa học quốc tế như Hội nghị quốc tế về các công nghệ tiên tiến trong truyền thông ATC; Hội nghị quốc tế về CNTT xanh và con người ICGHIT; Hội thảo chuyên gia trong lĩnh vực Ăng ten và Truyền sóng; Hội nghị quốc tế NAFOSTED-NICS về khoa học máy tính và Diễn đàn công nghệ thông tin ASEAN-IVO phối hợp với Viện CNTT&TT Quốc gia Nhật Bản.

Ngoài ra, Học viện còn tham gia hàng trăm đề tài nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế trong lĩnh vực CNTT&TT. Bên cạnh các đề tài được Ngân sách nhà nước tài trợ và có sự tham gia phối hợp của các trường đại học quốc tế, Học viện còn tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu chung do các tổ chức đa phương tài trợ toàn bộ các chi phí nghiên cứu. Ví dụ như dự án “Xây dựng thí điểm hệ thống cảnh báo lũ bằng công nghệ M2”, phối hợp với Tập đoàn KDDI và Đại học Waseda (Nhật Bản) do APT tài trợ; hay dự án “Xử lý ảnh và truyền thông cự ly gần” phối hợp với 11 trường Đại học trong khu vực Đông Nam

Á do Viện CNTT&TT Quốc gia Nhật Bản tài trợ. Các dự án đều có kết quả ứng dụng cao trong thực tiễn.

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc
1	Dự án Theo dõi xu hướng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp của Việt Nam (Dự án MOTIVE)	Chương trình Erasmus+ của Liên minh Châu Âu	2020-2023
2	Chương trình dự án toàn cầu gPBL	Học viện Công nghệ Shibaura Nhật Bản và Tập đoàn CO-WELL	2017-2020
3	Chương trình Ươm mầm Tài năng Samsung STP	Công ty Samsung Electronics Việt Nam	2015-2020
4	Chương trình tài trợ cho hoạt động nghiên cứu của Motorola	Quỹ Motorola Solutions	2016-2020
5	Dự án thành lập Trung tâm đào tạo CNTT chất lượng cao trong khuôn khổ hợp tác ASEAN-Ấn Độ	Trung tâm Phát triển Máy tính cấp cao (C-DAC), Ấn Độ	2016-2020
6	Nâng cao khả năng làm việc cho sinh viên các trường Đại học tại Việt Nam (Dự án VOYAGE)	Chương trình Erasmus+ của Liên minh Châu Âu	2016-2019
7	Dự án nâng cao năng lực hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu các trường đại học khu vực ASEAN (MARCO POLO)	Chương trình Erasmus+ của Liên minh Châu Âu	2017-2020
8	Dự án “xử lý ảnh và truyền thông cự li gần”	Tổ chức ASEAN – IVO và Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông Quốc gia Nhật Bản (NICT)	2016-2019
9	Dự án “Bảo mật thông tin cho mạng IoT”	Tổ chức ASEAN – IVO và Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông Quốc gia Nhật Bản (NICT)	2017-2018
10	Dịch vụ thông tin cho quản lý trang trại cà phê bền vững	Văn phòng Vũ trụ Hà Lan (NSO)	2016-2019

Bảng 3. Danh mục các chương trình, đề tài hợp tác với quốc tế trong 05 năm gần đây

2.5 TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

2.5.1 Tóm tắt chương trình đào tạo

2.5.1.1 Mô tả xây dựng chương trình đào tạo

Căn cứ vào sự phát triển mạnh mẽ của quá trình số hóa trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực công nghệ tài chính, phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông, Tổ xây dựng chương trình đào tạo ngành Công nghệ Tài chính của Học viện đã triển khai nghiên cứu, khảo sát nhu cầu về nguồn nhân lực cho lĩnh vực công nghệ tài chính của các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp công nghệ tài chính, các doanh nghiệp và các tổ chức khác, từ đó, Tổ xây

dựng chương trình đào tạo có những kết quả đánh giá về yêu cầu liên quan tới năng lực, kỹ năng đối với nhân lực làm việc trong lĩnh vực công nghệ tài chính của thị trường lao động.

Công nghệ tài chính (Fintech) là một lĩnh vực đào tạo mới trên thế giới và Việt Nam, vì vậy số chương trình đào tạo hiện nay không nhiều. Trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo chương trình đào tạo về lĩnh vực công nghệ tài chính của một số trường đại học nước ngoài như: Đại học Đại học Virginia Commonwealth, Mỹ, Viện Quản lý và Công nghệ GANDHI, Ấn độ, Đại Học Hồng Kông; cũng như tham khảo chương trình đào tạo công nghệ tài chính của một số trường Đại học trong nước như: Đại học Kinh tế Luật tp HCM (chương trình thuộc ngành đào tạo Tài chính- Ngân hàng), Đại học KTQD (liên kết với ĐH Á Châu - Đài loan), Tổ xây dựng chương trình đã xác định mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của sinh viên sau tốt nghiệp và chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính (Fintech).

Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ tài chính (Fintech) của Học viện được xây dựng với **133 tín chỉ** (chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Kỹ năng mềm) với thời gian đào tạo là **4 năm (08 học kỳ)**. Chương trình đào tạo được cấu trúc với 43 tín chỉ cho khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 80 tín chỉ (trong đó: kiến thức cơ sở ngành là 44 tín chỉ và kiến thức chuyên ngành là 36 tín chỉ), thực tập và khóa luận tốt nghiệp là 10 tín chỉ.

Điểm đặc biệt và cũng là điểm khác biệt trong chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính (Fintech) của Học viện là hàm lượng các học phần về công nghệ thông tin khá cao. Cụ thể, khối lượng kiến thức về công nghệ thông tin và tài chính trong khối kiến thức ngành và chuyên ngành là ngang bằng nhau (50% - 50%) với năng lực đào tạo công nghệ thông tin là điểm mạnh của Học viện. Chương trình đào tạo đã phát huy thế mạnh này nhằm giúp các sinh viên có thể phát triển tốt nhất các kỹ năng và năng lực của mình trong công việc sau khi tốt nghiệp.

2.5.1.2 Mục tiêu đào tạo

Công nghệ tài chính (FINTECH) là một ngành đào tạo lai ghép giữa công nghệ và tài chính. Fintech là thuật ngữ mô tả sự đổi mới và hiệu quả nhờ công nghệ trong lĩnh vực tài chính. Các hoạt động Fintech hiện nay gắn liền với sự ra đời và ứng dụng của công nghệ Blockchain, phân tích dữ liệu lớn, trực quan hóa dữ liệu, trí tuệ nhân tạo. Những công cụ này đã và đang đóng vai trò là chất xúc tác tạo đổi mới đáng kể trong ngành dịch vụ tài chính. Để hiểu về fintech, người học phải nắm bắt được sự đổi, quản lý dữ liệu, trực quan hóa, Blockchain, trí tuệ nhân tạo và các mô hình kinh doanh trực tuyến.

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông được thiết kế để đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực trình độ cử nhân ngành Công nghệ tài chính trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển của nền kinh tế số; sinh viên tốt nghiệp chương trình có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản và chuyên môn về tài chính ngân hàng, công nghệ thông tin và công nghệ tài chính; Phát triển năng lực sáng tạo, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong các hoạt động về chuyên môn hoặc các vấn đề xã hội thông thường. Thông qua chương trình đào tạo, sinh viên sẽ khám phá các lý thuyết về tài chính và ứng dụng của chúng cũng như các công

nghe như blockchain, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo có thể tạo đổi mới trong các hoạt động tài chính.

Mục tiêu cụ thể: sinh viên tốt nghiệp có thể:

Về kiến thức

- (1) Nắm vững các kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, và vận dụng các kiến thức này trong học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động nghề nghiệp;
- (2) Nắm vững các kiến thức cơ sở ngành kinh tế, kinh doanh, quản trị, kế toán như: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, tài chính tiền tệ, nguyên lý kế toán, marketing căn bản và vận dụng các kiến thức này trong hoạt động nghề nghiệp;
- (3) Nắm vững và vận dụng các kiến thức về tài chính, ngân hàng như: hệ thống tài chính, nghiệp vụ ngân hàng, thanh toán quốc tế, tài chính doanh nghiệp, phân tích tài chính, đầu tư tài chính, quản trị rủi ro tài chính;
- (4) Nắm vững kiến thức nền tảng cơ bản về công nghệ thông tin: lập trình máy tính, khoa học dữ liệu và quản trị cơ sở dữ liệu, Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý và phát triển các hệ thống thương mại điện tử ...;
- (5) Nắm vững và vận dụng kiến thức nền tảng cơ bản về công nghệ tài chính: Công nghệ tài chính căn bản, Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính, phân tích dữ liệu tài chính qui mô lớn, Tiền số và công nghệ Blockchain, trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo tài chính.
- (6) Có kiến thức về pháp luật trong kinh doanh, kiến thức về thống kê toán và kinh tế lượng ứng dụng trong tài chính.

Về kỹ năng

Kỹ năng chuyên môn:

- (7) Kỹ năng ghi nhận các giao dịch kinh tế - tài chính phát sinh; Kỹ năng phân tích báo cáo tài chính theo yêu cầu cung cấp thông tin và tư vấn cho nhà quản lý;
- (8) Kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến hoạt động tín dụng, ngoại hối và thanh toán quốc tế;
- (9) Kỹ năng sử dụng các công cụ tài chính để quản lý tài chính, quản lý rủi ro tài chính, quản lý các hoạt động đầu tư, kinh doanh trong các doanh nghiệp và các tổ chức tài chính;
- (10) Kỹ năng thu thập, phân tích tìm hiểu và tổng hợp các yêu cầu từ đối tượng sử dụng sản phẩm phần mềm để phục vụ công tác thiết kế;
- (11) Kỹ năng thiết kế, triển khai thực hiện và quản lý các dự án phần mềm có qui mô vừa và nhỏ, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện thực tế;
- (12) Kỹ năng phân tích và mô hình hóa quá trình và dữ liệu trong các tổ chức, khả năng xác định và cụ thể hóa các giải pháp kỹ thuật, khả năng quản trị dự án;

- (13) Kỹ năng vận dụng các khái niệm về hệ thống thông tin để đánh giá, giải quyết các vấn đề xuất hiện trong hệ thống thông tin tài chính;
- (14) Kỹ năng phân tích và quản lý dữ liệu tài chính, sử dụng các phần mềm/ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của định chế tài chính, thị trường tài chính và doanh nghiệp.

Kỹ năng mềm:

- (15) Kỹ năng giao tiếp: giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội;
- (16) Kỹ năng làm việc nhóm: biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm;
- (17) Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc.

Kỹ năng ngoại ngữ:

- (18) Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế;
- (19) Có khả năng sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu, hoà nhập nhanh với cộng đồng công nghệ thông tin khu vực và quốc tế sau khi ra trường.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- (20) Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc;
- (21) Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- (22) Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về công nghệ tài chính;
- (23) Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn.

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ tài chính, sinh viên có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí công việc ở các nhóm sau:

Nhóm 1: Các bộ phận quản lý hệ thống thông tin, quản trị phân tích dữ liệu, quản trị và phân tích rủi ro, quản lý dự án công nghệ tại các định chế tài chính; bộ phận triển công nghệ tài chính, phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính tại các định chế tài chính (ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán).

Nhóm 2: Bộ phận công nghệ thông tin, quản lý phát triển kinh tế số tại một số cơ quan nhà nước như: Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Nhóm 3: Bộ phận phát triển sản phẩm và kinh doanh tại Tập đoàn, Công ty công nghệ; bộ phận phân tích tại Tập đoàn, Công ty bán lẻ, Thương mại điện tử, Dịch vụ công.

Nhóm 4: Bộ phận phát triển sản phẩm và dịch vụ tại công ty khởi nghiệp Fintech hoặc tự tạo lập doanh nghiệp khởi nghiệp fintech riêng cho bản thân.

Nhóm 5: Các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về tài chính, ngân hàng và công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.

2.5.1.3 Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Công nghệ Tài chính (Fintech)

2.5.2 Đối tượng, điều kiện và tuyển sinh

2.5.2.1 Đối tượng và điều kiện tuyển sinh:

Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; tham dự và trúng tuyển trong kỳ tuyển sinh đại học chính quy - Tổ hợp môn thi: Toán, Lý, Hóa (khối A) hoặc Toán, Lý, Anh văn (khối A₁) hoặc Văn, Toán, Anh văn (khối D₁); Hoặc các phương án tuyển sinh riêng theo qui định của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

2.5.2.2 Quy mô tuyển sinh (trong 3 năm):

TT	Ngành đào tạo/Chỉ tiêu tuyển sinh	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1.	Công nghệ tài chính	50	80	100

2.5.3 Chương trình khung đào tạo

2.5.3.1 Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	43
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó: - Kiến thức cơ sở ngành - Kiến thức chuyên ngành	80 44 36
3	Thực tập và Tốt nghiệp	10
	CỘNG	133

2.5.3.2 Khối kiến thức chung

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
1	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3					
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2					
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2					
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	2					

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chứa bài tập /Thảo luận (tiết)			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	24	6			
6	Tiếng Anh (Course 1)	BAS1157	4					
7	Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	4					
8	Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	4					
9	Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	2					
10	Tin học cơ sở 1	INT1154	2	20	4	4	2	
11	Tin học cơ sở 3	INT1156	2	20	4	4	2	
12	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	18	6		6	
Tổng:			31					
Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng								
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	2		26	2	
2	Giáo dục thể chất 2	BAS1107	2	2		26	2	
3	Giáo dục Quốc phòng	BAS1105	7,5					
Kiến thức các môn kỹ năng (chọn 3/7)								
1	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1	6	8		1	
2	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1	6	8		1	
3	Kỹ năng tạo lập Văn bản	SKD1103	1	6	8		1	
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104	1	6	8		1	
5	Kỹ năng giao tiếp	SKD1105	1	6	8		1	
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	SKD1106	1	6	8		1	
7	Kỹ năng tư duy sáng tạo	SKD1107	1	6	8		1	

(*) Kế hoạch học tập môn học tiếng Anh thực hiện theo chương trình chi tiết riêng

2.5.3.3 Khối kiến thức cơ bản nhóm ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chứa bài tập /Thảo luận (tiết)			
13	Toán cao cấp 1	BAS1219	2	24	6			
14	Toán cao cấp 2	BAS1220	2	24	6			

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
15	Toán kinh tế	BSA1241	3	36	8		1	
16	Lý thuyết xác suất và thống kê	BAS1210	3	36	8		1	
17	Pháp luật đại cương	BSA1221	2	24	6			
Tổng:			12					

2.5.3.4 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Kiến thức cơ sở ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
18	Kinh tế vi mô 1	BSA1310	3	36	8		1	
19	Kinh tế vĩ mô 1	BSA1311	3	36	8		1	
20	Luật kinh doanh	BSA1314	2	24	6			
21	Tài chính tiền tệ	FIA1326	3	36	8		1	
22	Nguyên lý kế toán	FIA1321	3	36	8		1	
23	Kế toán quản trị	FIA1332	3	36	8		1	
24	Marketing căn bản	MAR1322	3	36	8		1	
25	Quản trị tài chính doanh nghiệp	FIA1324	3	36	8		1	
26	Cơ sở dữ liệu (Fintech)	INT13128	3	36		8	1	
27	Lập trình Python (Fintech)	INT13129	3	36		8	1	
28	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý (Fintech)	INT13132	3	36		8	1	
29	Lập trình web (Fintech)	INT13130	3	36		8	1	
30	Phát triển các hệ thống thương mại điện tử (Fintech)	INT13134	3	36		8	1	
Học phần lựa chọn * (chọn 3 trong 8 học phần: 6 TC)								
31	Phân tích hoạt động kinh doanh	BSA1320	2	24	6			
32	Thương mại điện tử	MAR1323	2	24	6			
33	Quản trị bán hàng	MAR1329	2	24	6			
34	E-marketing	MAR1427	2	24	6			
35	Thanh toán quốc tế	FIA1327	2	24	6			

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
36	Kế toán tài chính doanh nghiệp	FIA1444	2	24	6			
37	Kiểm toán căn bản (Fintech)	FIA1363	2	24	6			
38	Quản trị công nghệ	BSA1326	2	24	6			
	Tổng:		44					

Kiến thức chuyên ngành

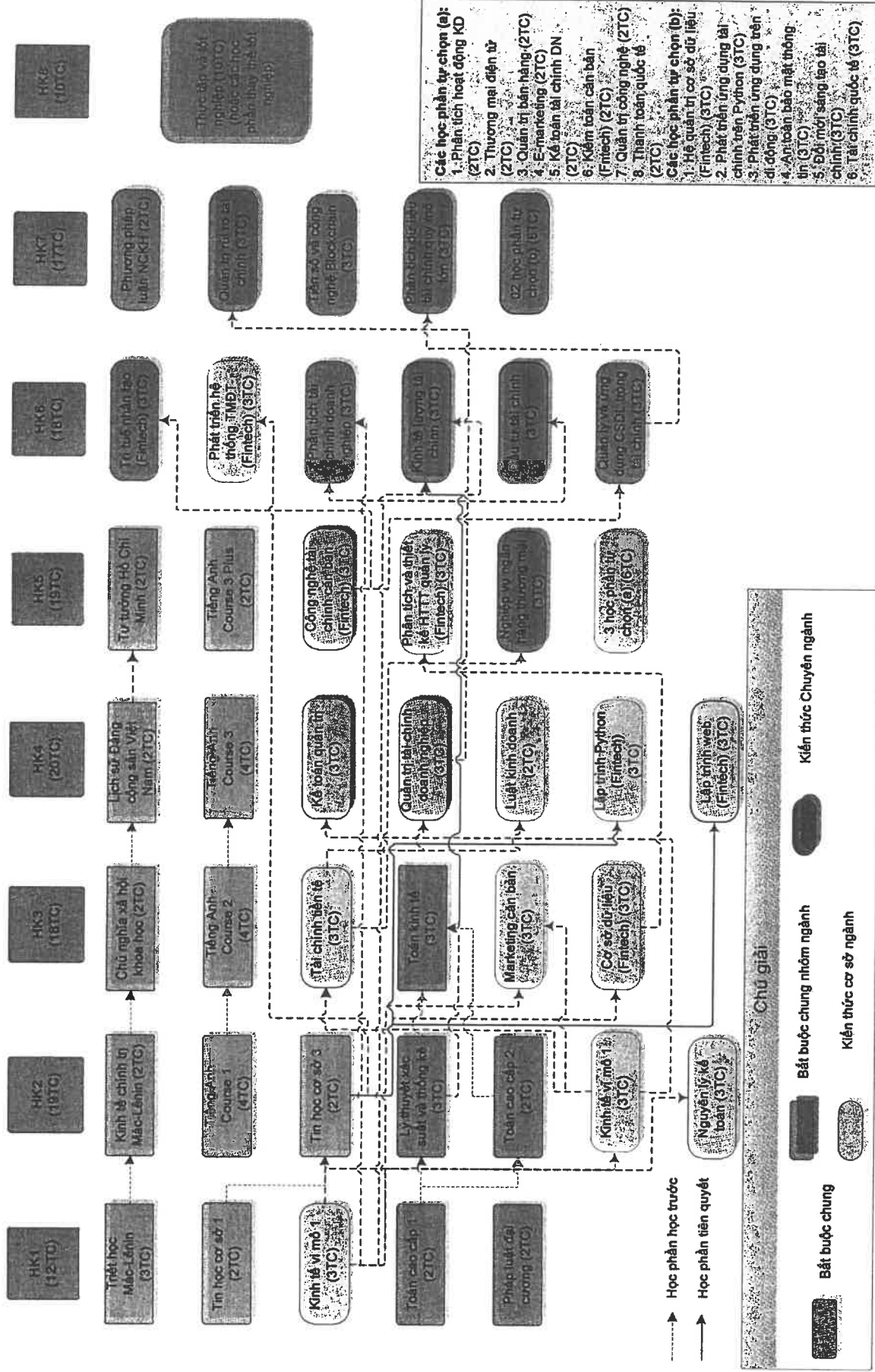
TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (tiết)	Chữa bài tập /Thảo luận (tiết)			
39	Tiền số và công nghệ Blockchain	INT14135	3	36		8	1	
40	Trí tuệ nhân tạo (Fintech)	INT14136	3	36		8	1	
41	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	FIA1464	3	36	8		1	
42	Đầu tư tài chính	FIA1465	3	36	8		1	
43	Quản trị rủi ro tài chính	FIA1466	3	36	8		1	
44	Kinh tế lượng tài chính	FIA1467	3	36	8		1	
45	Phân tích tài chính doanh nghiệp	FIA1468	3	36	8		1	
46	Công nghệ tài chính căn bản	FIA1469	3	36	8		1	
47	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính	FIA1470	3	36	8		1	
48	Phân tích dữ liệu tài chính quy mô lớn	FIA1471	3	36	8		1	
Học phần lựa chọn ** (chọn 2 trong 6 học phần: 6TC)								
49	Phát triển ứng dụng trên di động	INT14137	3	36		8	1	
50	Phát triển ứng dụng tài chính trên Python	INT13133	3	36		8	1	
51	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (Fintech)	INT13131	3	36		8	1	
52	An toàn bảo mật thông tin (Fintech)	INT14138	3	36		8	1	
53	Đổi mới sáng tạo tài chính	FIA1472	3	36	8		1	
54	Tài chính quốc tế	FIA1473	3	36	8		1	
	Tổng :		36					

Thực tập tốt nghiệp (4 TC) và Khóa luận tốt nghiệp (6 TC) hoặc học phần thay thế tốt nghiệp

2.5.3.5 Tiến trình học tập chuẩn và kế hoạch học tập

TIẾN TRÌNH HỌC TẬP THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

Ngành: Công nghệ tài chính (Fintech)



KẾ HOẠCH VÀ TIẾN TRÌNH HỌC TẬP NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (FINTECH)

NĂM HỌC THỨ NHẤT				NĂM HỌC THỨ HAI			
TT	Học phần	Tín chỉ	Học kỳ	TT	Học phần	Tín chỉ	Học kỳ
1	Triết học Mác-Lênin	3	HK1	1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	HK3
2	Pháp luật đại cương	2	HK1	2	Tiếng Anh (Course 2)	4	HK3
3	Toán cao cấp 1	2	HK1	3	Toán kinh tế	3	HK3
4	Tin học cơ sở 1	2	HK1	4	Tài chính tiền tệ	3	HK3
5	Kinh tế vi mô 1	3	HK1	5	Marketing căn bản	3	HK3
	Giáo dục thể chất 1		HK1	6	Cơ sở dữ liệu (Fintech)	3	HK3
	Giáo dục quốc phòng		HK1				
			12				18
6	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	HK2	7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HK4
7	Tiếng Anh (Course 1)	4	HK2	8	Tiếng Anh (Course 3)	4	HK4
8	Toán cao cấp 2	2	HK2	9	Kế toán quản trị	3	HK4
9	Lý thuyết xác suất thống kê	3	HK2	10	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	HK4
10	Tin học cơ sở 3	2	HK2	11	Luật kinh doanh	2	HK4
11	Kinh tế vĩ mô 1	3	HK2	12	Lập trình Python (Fintech)	3	HK4
12	Nguyên lý kế toán	3	HK2	13	Lập trình web (Fintech)	3	HK4
	Giáo dục thể chất 2		HK2				
			19				20

NĂM HỌC THỨ BA				NĂM HỌC THỨ TƯ			
TT	Học phần	Tín chỉ	Học kỳ	TT	Học phần	Tín chỉ	Học kỳ
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	HK5	1	Phương pháp luận NCKH	2	HK7
2	Tiếng Anh (Course 3 plus)	2	HK5	2	Quản trị rủi ro tài chính	3	HK7
3	Công nghệ tài chính căn bản	3	HK5	3	Tiền số và công nghệ Blockchain	3	HK7
4	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý (Fintech)	3	HK5	4	Phân tích dữ liệu tài chính quy mô lớn	3	HK7
5	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	HK5	5	02 môn tự chọn **	6	HK7
6	03 môn tự chọn *	6	HK5				
			19				17
7	Trí tuệ nhân tạo (Fintech)	3	HK6	6	Thực tập và tốt nghiệp	10	HK8
8	Phát triển các hệ thống thương mại điện tử (Fintech)	3	HK6				
9	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	HK6				
10	Kinh tế lượng tài chính	3	HK6				
11	Đầu tư tài chính	3	HK6				
12	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính	3	HK6				
			18				10
TỔNG SỐ TÍN CHỈ						133	

(*) Môn lựa chọn kiến thức ngành

1 Phân tích hoạt động kinh doanh 2

() Môn lựa chọn kiến thức chuyên ngành**

1 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (Fintech) 3

2	<i>Thương mại điện tử</i>	2
3	<i>Quản trị bán hàng</i>	2
4	<i>E-marketing</i>	2
5	<i>Thanh toán quốc tế</i>	2
6	<i>Kế toán tài chính doanh nghiệp</i>	2
7	<i>Kiểm toán căn bản (Fintech)</i>	2
8	<i>Quản trị công nghệ</i>	2

2	<i>Phát triển ứng dụng tài chính trên Python</i>	3
3	<i>Phát triển ứng dụng trên di động</i>	3
4	<i>An toàn bảo mật thông tin (Fintech)</i>	3
5	<i>Đổi mới sáng tạo tài chính</i>	3
6	<i>Tài chính quốc tế</i>	3

PHẦN 3: ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

3.1 Các thông tin về 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cũng như các thông tin liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu của Học viện được công bố trên cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <https://ptit.edu.vn>, <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>.

3.2 Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cam kết thực hiện nghiêm túc các Quy chế, Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; công khai minh bạch mọi thông tin trong quá trình hoạt động và đảm bảo chất lượng giáo dục, đảm bảo quyền lợi cho người học.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ TT&TT (để b/c);
- Đảng ủy HV (để b/c);
- Hội đồng Học viện (để b/c);
- Giám đốc HV (để b/c);
- Lưu VT, ĐT (06).

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Vũ Tuấn Lâm